

Số: 34 /2022/BCTN-GMA

Hà Nội, ngày 31 tháng 3 năm 2022

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
Năm 2021

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội
Quý Cổ đông

I. Thông tin chung

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: Công ty cổ phần Enteco Việt Nam
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0105558271
- Vốn điều lệ: 60.000.000.000 đồng (Sáu mươi tỷ đồng)
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 60.000.000.000 đồng (Sáu mươi tỷ đồng)
- Địa chỉ: Số nhà 20, Phố Phạm Hồng Thái, P. Nguyễn Trung Trực, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
- Số điện thoại: 024.39273473
- Số fax: 024.39273472
- Website: www.enteco.vn
- Mã cổ phiếu: GMA
- Quá trình hình thành và phát triển:

Công ty cổ phần Enteco Việt Nam được thành lập ngày 10/10/2011 theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0105558271 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp với vốn điều lệ ban đầu là 2 tỷ đồng. Công ty hoạt động chính trong các lĩnh vực cho thuê máy móc thiết bị công trình; dịch vụ sửa chữa máy móc thiết bị công trình và hoạt động sản xuất sản phẩm thiết bị công trình phục vụ ngành thi công nền móng, xây dựng dân dụng. Các cổ đông sáng lập có công nghệ sản xuất ra thiết bị máy khoan cọc nhồi gầu xoay cho đường kính khoan lên tới 2500mm và chiều sâu khoan 130m. Thiết bị khoan được sử dụng rộng rãi tại Việt Nam và các nước trong khu vực như Lào, Campuchia, Myanmar.

Trong năm 2011, công ty thực hiện mở xưởng sản xuất và sửa chữa, tăng cường thêm nhân sự làm dịch vụ với phương châm cung cấp dịch vụ tốt nhất, đảm bảo thiết bị cho thuê hoạt động liên tục trên các công trường. Bên cạnh đó, Công ty cũng thực hiện đầu tư các thiết bị phục vụ cho hoạt động cho thuê, bao gồm các loại cầu xích, các loại xúc lật, máy khoan cọc nhồi, gầu đào tường vây.

Năm 2012, nhận thấy nhu cầu thị trường về các thiết bị cạp tường vây dùng đào tường hầm cho các khu chung cư cao tầng, đào hầm cho các nhà ga tàu điện ngầm, tường hầm cho các đường bộ giao thông ngầm có xu hướng gia tăng, lãnh đạo công ty nghiên cứu chế tạo và đưa ra thị trường sản phẩm gầu cạp tường vây loại Gale. Gầu có tính ổn định cao, đào tường phẳng, thẳng được thị trường chấp nhận.

Năm 2014, nhận thấy nhu cầu lớn của thị trường về thiết bị đào tường và các loại máy cầu xích cỡ lớn phục vụ hạ lồng thép tường vây, doanh nghiệp đã đầu tư hàng loạt các thiết bị cầu xích cỡ lớn từ 65 tấn tới 150 tấn, chiếm lĩnh gần như toàn bộ thị trường cung cấp thiết bị đào tường của ngành nền móng Phía Bắc.



Năm 2016, với việc nước Anh chuẩn bị rời khỏi EU khiến đồng Bảng Anh suy giảm đáng kể so với ngoại tệ khác và so với đồng tiền Việt. Doanh nghiệp đã thu mua gần như toàn bộ thiết bị của công ty AGD, một công ty cung cấp thiết bị cho thuê lớn của Anh Quốc. Cũng trong năm 2016 đánh dấu việc công ty cung cấp dịch vụ tại thị trường TP Hồ Chí Minh. Vì công ty là đối tác lâu năm của Công ty TNHH XDTM Lâm Tuấn Nghĩa, có trụ sở tại TP Hồ Chí Minh và nhà máy tại Đường Số 3, Khu CN Biên Hòa 1, Tỉnh Đồng Nai nên việc tiếp cận và cung cấp dịch vụ tại thị trường này có sự phát triển rất tốt.

Năm 2019, công ty phát triển mảng cung cấp nhân lực, nhân sự cùng thiết bị cho các công trình thi công nên móng. Tiên thân cho sự phát triển mảng thi công các công trình dân dụng và công nghiệp.

Đến nay, sau 03 lần phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ, Công ty đã đạt quy mô vốn điều lệ 60 tỷ đồng. Trong quá trình phát triển, Công ty đã tạo được tiếng vang tốt không chỉ đối với các đối tác, khách hàng, mà còn tạo được uy tín tốt đối với nhân dân địa phương và các nhà đầu tư.

Ngày 23/06/2020, Công ty đã chính thức trở thành Công ty đại chúng theo công văn số 4048/UBCK-GSĐC ngày 23/6/2020 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

Ngày 19/08/2020, Công ty được Trung tâm lưu ký Chứng khoán Việt Nam cấp Giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán số 53/2020/GCNCP-VSD với mã chứng khoán là GMA, tổng số lượng cổ phiếu đăng ký lưu ký là 6.000.000 cổ phiếu.

Ngày 27/10/2020, Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội chấp thuận niêm yết cổ phiếu của Công ty trên Sàn giao dịch Chứng khoán thành phố Hà Nội theo Quyết định số 588/QĐ-SGDHN.

Hiện tại, công ty là đối tác tin cậy, nhà cung cấp quen thuộc cho các đơn vị thi công Nền Móng công trình hàng đầu Việt Nam như Delta, FECON, JIKON, Fountech, Thái Minh, Long Giang...

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

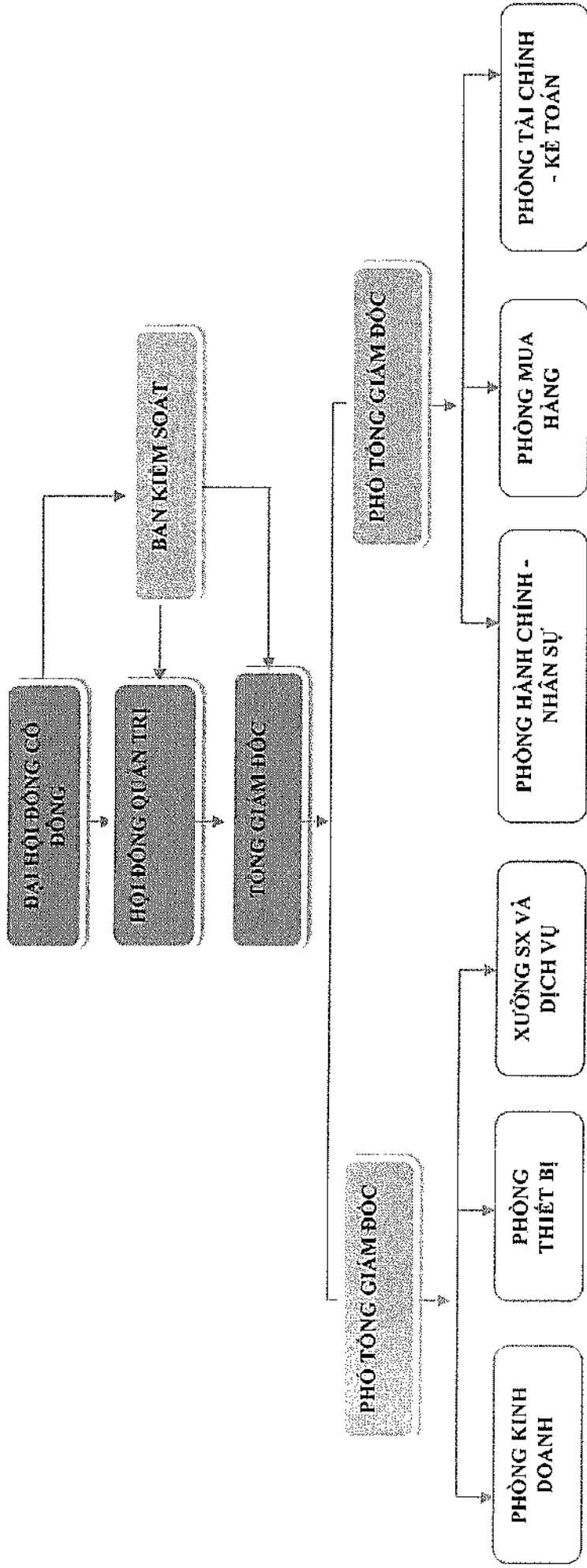
- Ngành nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Sản xuất bi, bánh răng, hộp số, các bộ phận điều khiển và truyền chuyển động	2814
2.	Sản xuất máy khai thác mỏ và xây dựng	2824
3.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
4.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
5.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại	4662
6.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
7.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
8.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
9.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
10.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác	4511
11.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520
12.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
13.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659
14.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
15.	Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống)	4512
16.	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác Trừ đấu giá	4513 (Chính)

17.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác Trừ đấu giá	4530
18.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	8230
19.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa	8299
20.	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu Chi tiết: Hoạt động tư vấn đầu tư	6619
21.	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: Kinh doanh bất động sản	6810
22.	Hoạt động tư vấn quản lý	7020
23.	Cho thuê xe có động cơ Trừ đấu giá	7710
24.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển Chi tiết: (trừ máy bay, khinh khí cầu)	7730
25.	Dịch vụ hành chính văn phòng tổng hợp	8211
26.	Photo, chuẩn bị tài liệu và các hoạt động hỗ trợ văn phòng đặc biệt khác	8219
27.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299

- Công ty định hướng phát triển hoạt động kinh doanh trên cả nước nhưng chủ yếu hoạt động tại thành phố Hà Nội và đặt các địa điểm kinh doanh tại:
Trụ sở chính: Số nhà 20, phố Phạm Hồng Thái, phường Nguyễn Trung Trực, quận Ba Đình, Hà Nội.
Văn phòng giao dịch: Tầng 6, Tòa nhà Eco Green, số 286 Nguyễn Xiển, phường Hạ Đình, quận Thanh Xuân, Hà Nội.
- 3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý
 - Mô hình quản trị và cơ cấu bộ máy quản lý: Công ty tổ chức mô hình quản trị theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 137 của Luật Doanh nghiệp bao gồm Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Tổng Giám đốc (Chi tiết tại Hình 1. Sơ đồ bộ máy quản lý của Enteco);
 - Trong năm, Công ty chưa bổ nhiệm người quản trị công ty/thư ký công ty. Công ty đang nỗ lực tìm kiếm người phù hợp để đảm bảo được chất lượng và hiệu quả công việc.

Hình 1. Sơ đồ bộ máy quản lý của Enteco



❖ Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ)

Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ:

- Thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng năm và định hướng chiến lược phát triển của Công ty;
- Thông qua Báo cáo tài chính năm được kiểm toán, các báo cáo của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;
- Sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty và các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật pháp và Điều lệ Công ty;
- Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Điều lệ Công ty và Luật Doanh nghiệp.

❖ Hội đồng quản trị (HĐQT)

HĐQT là tổ chức quản lý cao nhất của Công ty Cổ phần Enteco Việt Nam do ĐHĐCĐ bầu ra. Cơ cấu HĐQT gồm 01 (một) Chủ tịch HĐQT và 04 (bốn) thành viên với nhiệm kỳ là 05 năm. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. HĐQT có các quyền và nghĩa vụ sau:

- Xây dựng và trình Đại hội đồng cổ đông quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;
- Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
- Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;
- Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;
- Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;
- Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty;
- Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;
- Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty trừ hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp;
- Quyết định việc phát hành trái phiếu không chuyển đổi và/hoặc trái phiếu không kèm theo chứng quyền của Công ty;
- Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc và người quản lý quan trọng khác do Điều lệ Công ty quy định; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;
- Giám sát, chỉ đạo Tổng Giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty;
- Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;
- Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông bằng văn bản;
- Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;
- Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;

- Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty; yêu cầu phá sản Công ty;
- Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; Quy chế về công bố thông tin của Công ty;
- Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ Công ty.

❖ **Ban kiểm soát**

Ban Kiểm soát của Công ty Cổ phần Enteco Việt Nam bao gồm 03 thành viên do Đại hội đồng cổ đông bầu ra gồm 01 Trưởng Ban Kiểm soát và 02 thành viên với nhiệm kỳ là 05 năm; Kiểm soát viên có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Kiểm soát viên có quyền và nghĩa vụ như sau:

- Ban Kiểm soát có nhiệm vụ kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cần trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập BCTC nhằm đảm bảo lợi ích hợp pháp của các cổ đông;
- Ban Kiểm soát hoạt động độc lập với HĐQT và Ban Tổng Giám đốc;
- Quyền và nghĩa vụ của Ban Kiểm soát do pháp luật và Điều lệ Công ty quy định.

❖ **Ban Tổng giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc của Công ty gồm 03 người là 01 Tổng Giám đốc, 02 Phó Tổng giám đốc. Trong năm 2021, Công ty đã sắp xếp lại chức năng nhiệm vụ trong Ban Tổng giám đốc theo hướng tinh gọn bộ máy điều hành nên đã có sự thay đổi nhân sự trong Ban Tổng giám đốc, và hiện tại Ban Tổng giám đốc chỉ có 01 Tổng giám đốc, 02 Phó Tổng giám đốc đã được miễn nhiệm từ tháng 7/2021. Nghĩa vụ và quyền hạn của Ban Tổng giám đốc cụ thể như sau:

Tổng Giám đốc:

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm trước pháp luật và Hội đồng quản trị về tất cả các hoạt động của Công ty và chịu trách nhiệm điều hành Công ty theo định hướng và các quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo kịp thời cho Hội đồng quản trị về tất cả các hoạt động của Công ty, chịu sự kiểm tra, giám sát của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát. Nghĩa vụ và quyền hạn của Tổng Giám đốc cụ thể như sau:

- Trực tiếp điều hành và phân công nhiệm vụ để giải quyết các công việc hàng ngày của Công ty;
- Quyết định kịp thời mọi vấn đề phát sinh liên quan đến công việc hàng ngày của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;
- Báo cáo Hội đồng quản trị những vấn đề không thuộc thẩm quyền xử lý, đồng thời đề xuất phương án giải quyết;
- Lập kế hoạch thực hiện các nhiệm vụ do Hội đồng quản trị giao;
- Ký các văn bản, chứng từ, các hợp đồng, giao dịch theo thẩm quyền;
- Quyền hạn, nhiệm vụ và thực hiện nghĩa vụ theo quy định của Điều lệ Công ty và quy định của pháp luật.

Phó Tổng giám đốc phụ trách Sản xuất và Kinh doanh:

- Phó Tổng giám đốc là người giúp Tổng Giám đốc quản lý và điều hành Công ty theo phân công và ủy quyền của Tổng Giám đốc; chịu trách nhiệm trước Tổng Giám đốc và pháp luật về nội dung giải quyết công việc theo phân công nhiệm vụ trong từng thời kỳ, giai đoạn cụ thể và các nội dung được Tổng Giám đốc ủy quyền cho từng công việc cụ thể;
- Phụ trách mảng kinh doanh, quản lý thiết bị, quản lý bộ phận sản xuất của công ty theo chức năng nhiệm vụ của từng bộ phận. Chỉ đạo các đơn vị, cá nhân theo chức năng, nhiệm vụ được giao, thực hiện các chương trình, kế hoạch công tác do Tổng Giám đốc giao theo lĩnh vực được phân công; kiểm tra đôn đốc các phòng, xưởng sản xuất (hoặc cá nhân được giao nhiệm vụ cụ thể)

trong việc tổ chức thực hiện các quyết định của Công ty hoặc của cấp trên liên quan đến Công ty;

- Giúp Tổng Giám đốc trong việc theo dõi và chỉ đạo, xây dựng cơ chế khuyến khích động viên, thi đua, khen thưởng các kỹ thuật của Công ty nhằm phát huy phong trào cống hiến ý tưởng, sáng kiến cải tiến kỹ thuật, lao động giỏi, lao động sáng tạo để cải thiện môi trường làm việc;
- Thay mặt Tổng Giám đốc Công ty để giao dịch, làm việc với các cơ quan đơn vị trong và ngoài Công ty thuộc lĩnh vực được công tác được phân công hoặc ủy quyền của Tổng giám đốc sau đó báo cáo lại kết quả với Tổng giám đốc và chịu trách nhiệm trước Tổng giám đốc và pháp luật hiện hành về những quyết định đó;
- Phó Tổng giám đốc được ủy quyền khi Tổng Giám đốc vắng mặt, giải quyết các công việc thuộc lĩnh vực được phân công, ký và ban hành văn bản thuộc phạm vi được ủy quyền và báo cáo lại Tổng Giám đốc nội dung công việc đã giải quyết trong thời gian nhận ủy quyền.

Phó Tổng giám đốc phụ trách Khối văn phòng:

- Phó Tổng giám đốc là người giúp Tổng Giám đốc quản lý và điều hành Công ty theo phân công và ủy quyền của Tổng Giám đốc; chịu trách nhiệm trước Tổng Giám đốc và pháp luật về nội dung giải quyết công việc theo phân công nhiệm vụ trong từng thời kỳ, giai đoạn cụ thể và các nội dung được Tổng Giám đốc ủy quyền cho từng công việc cụ thể;
- Phụ trách Khối văn phòng của công ty gồm các phòng ban: Phòng Hành chính nhân sự, Phòng Mua hàng, Phòng Tài chính kế toán theo chức năng nhiệm vụ của từng bộ phận. Chỉ đạo các đơn vị, cá nhân theo chức năng, nhiệm vụ được giao, thực hiện các chương trình, kế hoạch công tác do Tổng Giám đốc giao theo lĩnh vực được phân công; kiểm tra đôn đốc các phòng, xưởng sản xuất (hoặc cá nhân được giao nhiệm vụ cụ thể) trong việc tổ chức thực hiện các quyết định của Công ty hoặc của cấp trên liên quan đến Công ty;
- Giúp Tổng Giám đốc trong việc theo dõi và chỉ đạo, xây dựng cơ chế khuyến khích động viên, thi đua, khen thưởng các kỹ thuật của Công ty nhằm phát huy phong trào cống hiến ý tưởng, sáng kiến cải tiến kỹ thuật, lao động giỏi, lao động sáng tạo để cải thiện môi trường làm việc;
- Thay mặt Tổng Giám đốc Công ty để giao dịch, làm việc với các cơ quan đơn vị trong và ngoài Công ty thuộc lĩnh vực được công tác được phân công hoặc ủy quyền của Tổng Giám đốc sau đó báo cáo lại kết quả với Tổng Giám đốc và chịu trách nhiệm trước Tổng Giám đốc và pháp luật hiện hành về những quyết định đó;
- Phó Tổng Giám đốc được ủy quyền khi Tổng Giám đốc đi vắng giải quyết các công việc thuộc lĩnh vực được phân công, ký và ban hành văn bản thuộc phạm vi được ủy quyền và báo cáo lại Tổng Giám đốc nội dung công việc đã giải quyết trong thời gian nhận ủy quyền.

❖ Chức năng các phòng ban

➤ Phòng Hành chính – Nhân sự

Phòng Hành chính – Nhân sự có các nhiệm vụ và chức năng sau:

- Thực hiện việc tuyển dụng nhân sự đảm bảo chất lượng theo yêu cầu, chiến lược của công ty;
- Tổ chức, phối hợp với các đơn vị khác thực hiện quản lý nhân sự, đào tạo và tái đào tạo;
- Tổ chức việc quản lý nhân sự toàn Công ty;
- Xây dựng quy chế lương thưởng, các biện pháp khuyến khích – kích thích người lao động làm việc, thực hiện các chế độ cho người lao động;
- Chấp hành và tổ chức thực hiện các chủ trương, quy định, chỉ thị của Ban Tổng Giám đốc;
- Nghiên cứu, soạn thảo và trình duyệt các quy định áp dụng trong Công ty, xây dựng cơ cấu tổ chức của công ty - các bộ phận và tổ chức thực hiện;
- Quản lý việc sử dụng và bảo vệ các loại tài sản của Công ty, đảm bảo an ninh trật tự, an toàn lao động, vệ sinh lao động và phòng chống cháy nổ trong Công ty;

- Tham mưu đề xuất cho Ban Tổng Giám đốc để xử lý các vấn đề thuộc lĩnh vực Tổ chức - Hành chính - Nhân sự: tổ chức lao động, quản lý và bố trí nhân lực, bảo hộ lao động, chế độ chính sách, chăm sóc sức khỏe cho người lao động, bảo vệ dân sự theo luật và quy chế công ty;
- Hỗ trợ Bộ phận khác trong việc quản lý nhân sự và là cầu nối giữa Ban Tổng Giám đốc và người lao động trong Công ty. Kiểm tra, đôn đốc các bộ phận trong công ty thực hiện nghiêm túc nội quy, quy chế công ty.

➤ Phòng Tài chính – Kế toán

Phòng Tài chính – Kế toán có các nhiệm vụ và chức năng sau:

- Tham mưu cho Hội đồng quản trị và Ban Lãnh đạo Công ty trong lĩnh vực Tài chính - Kế toán - Tín dụng của Công ty;
- Quản lý, kiểm soát các hoạt động kinh tế tài chính kế toán trong Công ty theo các quy định về quản lý kinh tế của Nhà nước và của Công ty;
- Chịu trách nhiệm lập và nộp các báo cáo tài chính, báo cáo kết quả kinh doanh, và các báo cáo liên quan đến lĩnh vực kế toán – tài chính cho Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát, Đại hội đồng cổ đông và các cơ quan có liên quan: thuế, ngân hàng;
- Thực hiện công tác thanh tra tài chính các đơn vị trực thuộc Công ty.

➤ Phòng Mua hàng

Phòng Mua hàng có các nhiệm vụ và chức năng sau:

- Phụ trách và chịu trách nhiệm mua các mặt hàng hóa thuộc lĩnh vực kinh doanh của công ty, các nguyên vật liệu, vật tư phụ để phục vụ mục đích sản xuất kinh doanh của công ty cùng các thiết bị văn phòng khác. Chịu trách nhiệm kiểm soát chất lượng hàng hóa đã mua;
- Chịu trách nhiệm giao dịch, đàm phán với các nhà cung cấp về toàn bộ công việc mua hàng hóa cho công ty;
- Thực hiện các công việc có liên quan đến chức năng nhiệm vụ của bộ phận theo yêu cầu của Ban Tổng Giám đốc.

➤ Phòng Kinh doanh

- Tham mưu giúp Ban Tổng Giám đốc Công ty trong công việc triển khai thực hiện các Nghị quyết của HĐQT về công tác định hướng kế hoạch kinh doanh cũng như định hướng khách hàng;
- Trực tiếp triển khai tổ chức các hoạt động kinh doanh theo kế hoạch và mục tiêu đề ra;
- Tham mưu giúp Ban Tổng Giám đốc nắm bắt thông tin kịp thời về chiến lược phát triển kinh tế, xây dựng kế hoạch năm, kế hoạch dài hạn về sản xuất – kinh doanh của Công ty theo mục tiêu mà Nghị quyết của HĐQT đề ra;
- Nghiên cứu, phát triển thị trường;
- Thường xuyên nắm vững thông tin về thị trường. Tổ chức thực hiện tốt kế hoạch sản xuất – kinh doanh trong phạm vi toàn Công ty;
- Thực hiện các công việc có liên quan đến chức năng nhiệm vụ của bộ phận theo yêu cầu của Ban Tổng Giám đốc.

➤ Phòng Thiết bị

- Chịu trách nhiệm quản lý toàn bộ các thiết bị của công ty và các thiết bị của khách hàng bao gồm cả thiết bị trong danh mục hàng hóa, tài sản cố định, thiết bị làm dịch vụ;
- Theo dõi lý lịch của toàn bộ các thiết bị bao gồm: bảo dưỡng, bảo hành, sửa chữa... lưu trữ hồ sơ thiết bị;
- Thực hiện các công việc có liên quan đến chức năng nhiệm vụ của bộ phận theo yêu cầu của Ban Tổng Giám đốc.

❖ Về công ty con, công ty liên kết:

Tính đến 31/12/2021, Công ty có 1 công ty liên kết là Công ty TNHH Đầu tư Thương mại An Dân Hưng Yên (tỷ lệ sở hữu tại Công ty này là 49% vốn điều lệ). Công ty chưa có Công ty con.

STT	Tên Công ty	Địa chỉ	Lĩnh vực kinh doanh	Vốn điều lệ (Đồng)	Tỷ lệ sở hữu của Công ty
1	Công ty TNHH Đầu tư Thương mại An Dân Hưng Yên	Đường Phạm Bạch Hồ, Phường Hiến Nam, Thành phố Hưng yên, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác	24.000.000.000	49%

4. Định hướng phát triển

- Các mục tiêu chủ yếu của Công ty: Xây dựng và giữ vững thương hiệu, đồng thời mở rộng phát triển đồng bộ các lĩnh vực hoạt động khác mà Công ty đang có ưu thế, tạo nền tảng phát triển một cách ổn định, lâu dài và vững chắc. Bên cạnh đó, từng bước xây dựng đội ngũ CBCNV có năng lực sáng tạo, đổi mới, gắn kết mạnh mẽ góp phần hoạt động công ty một cách hiệu quả.
- Chiến lược phát triển trung và dài hạn: Căn cứ tình hình thị trường và những cơ hội đầu tư Ban lãnh đạo của Công ty tiếp cận được trong năm qua, Công ty xác định tập trung duy trì hoạt động cho thuê máy móc xây dựng đồng thời tìm kiếm cơ hội mở rộng hoạt động sang lĩnh vực kinh doanh ô tô (bán ô tô và cung cấp dịch vụ liên quan ô tô: sửa chữa, bảo dưỡng, cho thuê xe);
- Các mục tiêu phát triển bền vững (môi trường, xã hội và cộng đồng) và chương trình chính liên quan đến ngắn hạn và trung hạn của Công ty:

Đối với Môi trường:

Công ty đã thực hiện các công tác giám sát các yếu tố ảnh hưởng, tác động đến môi trường trong quá trình máy móc được sử dụng, vận hành tại công trường cũng như tại các xưởng dịch vụ, sửa chữa của Công ty.

Không ngừng phân tích đánh giá trình hình môi trường hiện tại để có các biện pháp ứng phó sự cố bất ngờ tác động đến đời sống cộng đồng và môi trường tự nhiên đồng thời Công ty tuân thủ các quy định về việc xử lý chất thải nguy hại và luôn đề ra các kế hoạch cụ thể xử lý chất thải nguy hại, bảo vệ môi trường.

Đối với xã hội, cộng đồng

Công ty đã có sự đóng góp nhất định cho sự phát triển bền vững cũng như đem lại những lợi ích kinh tế, xã hội; tạo việc làm, thu nhập ổn định cho người lao động; hỗ trợ, tham gia các chương trình cộng đồng.

5. Các rủi ro:

5.1. Rủi ro về kinh tế

Trong năm 2021, Việt Nam phải đối mặt với các đợt bùng phát dịch bệnh, gây nhiều thiệt hại to lớn về người và của, nhiều hoạt động kinh tế - xã hội bị gián đoạn, ngưng trệ. Quốc Hội, Chính phủ đã ban hành nhiều chính sách, gói hỗ trợ người dân và doanh nghiệp vượt qua khó khăn. Tăng trưởng GDP tính chung cả năm 2021, GDP chỉ tăng 2,58%, thấp hơn mức 2,91% của năm 2020 và là mức thấp nhất trong vòng 10 năm qua, song là mức chấp nhận được, trong bối cảnh dịch bệnh rất phức tạp; lạm phát được kiểm soát tốt, là mức thấp nhất trong vòng 6 năm qua. CPI bình quân năm 2021 tăng 1,84% so với năm 2020, là mức thấp nhất trong vòng 6 năm; chủ yếu do sức cầu còn yếu, vòng quay tiền chậm.

Với đặc thù hoạt động là dịch vụ cho thuê, kinh doanh máy móc thiết bị công trình; dịch vụ sửa chữa máy móc thiết bị công trình và hoạt động sản xuất sản phẩm thiết bị công trình phục vụ ngành thi công nền móng, xây dựng dân dụng, hoạt động kinh doanh của Công ty cũng chịu ảnh hưởng khi kinh tế suy giảm, ảnh hưởng đến kế hoạch xây dựng của nhiều chủ đầu tư. Tuy nhiên, nhờ việc kiểm soát tốt các chi phí đầu vào, tận dụng tốt các cơ hội kinh doanh và duy trì mối quan hệ với các khách

hàng lớn nên Công ty không bị sụt giảm về lợi nhuận mà lợi nhuận của Công ty năm 2021 còn tăng hơn 40% so với năm 2020.

5.2. Rủi ro về luật pháp

Công ty cổ phần Enteco Việt Nam hoạt động theo mô hình Công ty cổ phần, đã trở thành Công ty đại chúng, tiên hành niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội nên Công ty chịu sự điều chỉnh của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Luật và các văn bản dưới luật trong các lĩnh vực này đang trong quá trình hoàn thiện, do đó sự thay đổi về mặt chính sách luôn có thể xảy ra và ít nhiều ảnh hưởng tới hoạt động quản trị, kinh doanh của Công ty.

Do vậy, để hạn chế tối đa những rủi ro phát sinh liên quan đến yếu tố pháp lý trong quá trình hoạt động, Công ty luôn theo dõi, nghiên cứu và cập nhật các văn bản pháp luật có liên quan đến hoạt động của mình, đồng thời tham khảo và thuê tư vấn đối với những vấn đề pháp lý nằm ngoài khả năng của Công ty.

5.3. Rủi ro về biến động giá trên thị trường chứng khoán

Việc niêm yết cổ phiếu tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội sẽ giúp quảng bá hình ảnh thương hiệu của Công ty đến các nhà đầu tư, nhất là nhà đầu tư nước ngoài. Từ đó, Công ty sẽ có cơ hội tiếp cận với những nguồn vốn mới để thúc đẩy các kế hoạch phát triển kinh doanh mới trong tương lai.

Tuy nhiên, sau khi được chấp thuận niêm yết, cổ phiếu của Công ty đã giao dịch và giá cổ phiếu được xác định theo cung cầu thị trường. Giá cổ phiếu chịu tác động từ rất nhiều yếu tố như tình hình hoạt động của Công ty, tình hình kinh tế trong nước và quốc tế, những thay đổi về luật pháp trong lĩnh vực chứng khoán, tâm lý nhà đầu tư. Do đó, những biến động về giá cổ phiếu là yếu tố khó lường mà nhà đầu tư cần tính đến.

5.4. Rủi ro đặc thù

Định hướng của Công ty là phát triển hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực sản xuất và cung cấp dịch vụ cho thuê máy móc và là đại lý phân phối ô tô, đây là một lĩnh vực có những rủi ro đặc thù riêng mà không phải ngành nào cũng có. Một số rủi ro đặc thù được Công ty xác định như: rủi ro từ thị trường cạnh tranh; rủi ro về thiên tai ảnh hưởng tới nguồn cung ứng nguyên liệu và công cụ đầu vào, đầu ra; rủi ro gián đoạn trong quá trình hoạt động của khách hàng, đặc biệt hơn cả là rủi ro về việc xoay vòng vốn bởi lẽ nguồn vốn đầu tư để nhập máy móc và các nguyên vật liệu đầu vào phục vụ các sản phẩm sản xuất kinh doanh là rất lớn.

5.4.1. Rủi ro từ thị trường cạnh tranh

Ngành thiết bị máy móc xây dựng và ngành kinh doanh ô tô là ngành có tiềm năng phát triển rất lớn nên ngày càng có nhiều doanh nghiệp tham gia vào lĩnh vực này. Cùng với xu hướng mở cửa nên đối thủ cạnh tranh của Công ty không chỉ là các doanh nghiệp trong nước mà còn cả các doanh nghiệp nước ngoài với tiềm lực tài chính rất mạnh.

5.4.2. Rủi ro từ thiên tai

Những rủi ro này ảnh hưởng tương đối lớn tới hoạt động của Công ty, chủ yếu là khâu vận chuyển của các yếu tố đầu vào, đầu ra của quá trình hoạt động kinh doanh. Nguyên liệu đầu vào của Enteco thường là những thiết bị máy móc nhập khẩu từ nước ngoài hoặc từ các doanh nghiệp sản xuất thiết bị ở trong nước, nhưng thường là từ các tỉnh thành khác. Hiện nay, để giảm thiểu rủi ro này, Công ty đã áp dụng chính sách đa dạng hóa nguồn cung ứng đầu vào nhằm đảm bảo cho hoạt động kinh doanh diễn ra xuyên suốt, xây dựng một đội ngũ dự báo nhu cầu tiêu thụ sản phẩm của thị trường trong ngắn và trung hạn, giúp Doanh nghiệp có những chính sách dự trữ hợp lý. Đồng thời, Công ty thực hiện theo dõi sát dự báo thiên tai trong nước và quốc tế, nhằm dự phòng những rủi ro có thể xảy ra, giảm thiểu tối đa những sự cố dẫn tới việc chậm bàn giao cho khách hàng, đảm bảo đáp ứng tốt nhất nhu cầu của khách hàng.

5.4.3. Rủi ro về công nghệ

- Doanh nghiệp có nhu cầu lớn về đổi mới công nghệ nhưng thiếu thông tin.

- Nhiều doanh nghiệp ở nước ta gặp phải rủi ro khi mua máy móc, thiết bị như mua phải công nghệ lạc hậu, thiếu đồng bộ, có doanh nghiệp nhập công nghệ tiên tiến nhưng khi vận hành thì cho ra những sản phẩm không đạt yêu cầu, hoặc thiết bị công nghệ không phát huy được hiệu quả, gây tốn kém, lãng phí trong đầu tư.
- Chậm thay đổi công nghệ nhiều doanh nghiệp nước ta sẽ đứng bên bờ vực phá sản. Kết quả điều tra về doanh nghiệp của Tổng cục thống kê gần đây cho biết, hạn chế yếu kém của doanh nghiệp chủ yếu là do khả năng đầu tư vốn thấp. Do vậy, kỹ thuật công nghệ kém và lạc hậu, nhất là trong ngành công nghiệp. Chỉ có khoảng 8% số doanh nghiệp có công nghệ tiên tiến, gần 75% doanh nghiệp có công nghệ trung bình và lạc hậu.

Để giảm thiểu những rủi ro công nghệ, Công ty luôn theo dõi, cập nhật sự phát triển của khoa học công nghệ ứng dụng trong hoạt động sản xuất kinh doanh. Các máy móc, thiết bị luôn được Công ty nhập từ những nhà cung cấp uy tín hàng đầu, đảm bảo đồng bộ về chất lượng cũng như công nghệ. Bên cạnh đó, với những máy móc lỗi thời, lạc hậu, không còn phù hợp với nhu cầu của thị trường hay đã hết khấu hao, Công ty cũng chủ động áp dụng các biện pháp thanh lý nhằm thu hồi vốn để đầu tư các máy móc mới với công nghệ hiện đại hơn, đáp ứng được nhu cầu ngày càng tăng cao của thị trường.

5.4.4. Rủi ro từ việc gián đoạn sản xuất kinh doanh

Có nhiều nguyên nhân dẫn tới việc gián đoạn sản xuất như: dịch bệnh dẫn đến sự đứt gãy nguồn cung và thiết bị hỏng trên toàn cầu; khâu vận chuyển gặp vấn đề trục trặc, hỏng hóc máy móc trong quá trình vận hành, hay gián đoạn nguồn trang thiết bị đầu vào. Với uy tín của mình đối với khách hàng, Công ty luôn lấy chất lượng và thời gian làm hai tiêu chí quan trọng bậc nhất trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của mình. Nếu việc gián đoạn diễn ra, Công ty bị ảnh hưởng rất lớn tới uy tín đang tạo dựng trên thị trường, cùng với đó là những rắc rối nghiêm trọng đối với những hợp đồng, công trình thi công tiếp theo, khi không thể xử lý kịp thời, gây thiệt hại cho cả khách hàng và doanh nghiệp, thậm chí có nguy cơ mất bạn hàng.

Chính vì thế, nhằm đối phó với rủi ro trên, Công ty luôn chủ động tìm các nguồn cung ứng khác nhau, tìm kiếm các đối tác chuyên logistics và vận chuyển trên các địa bàn hoạt động của Công ty, xây dựng một đội ngũ chuyên viên kỹ thuật có kinh nghiệm, kiến thức và năng động, luôn sẵn sàng đến từng cơ sở của khách hàng để giúp họ xử lý sự cố nhanh nhất có thể, giảm thiểu thiệt hại, đồng thời, tiến hành bảo dưỡng định kỳ trang thiết bị máy móc và các công cụ sản xuất cho khách hàng cũng như là thẩm định chất lượng hàng tồn kho của doanh nghiệp, nhằm đảm bảo quá trình sản xuất diễn ra một cách liên tục và đồng bộ, đáp ứng tốt nhất yêu cầu của các đơn hàng.

5.5. Rủi ro môi trường

Với hoạt động chính là buôn bán, cho thuê và sửa chữa máy móc, thiết bị xây dựng và kinh doanh ô tô và dịch vụ sửa chữa, trong quá trình hoạt động Công ty không tránh khỏi có những tác động đến môi trường xung quanh. Ý thức được điều đó, Công ty luôn tuân thủ các quy định về kiểm soát chất thải và đề ra những chính sách nhằm hạn chế tác động không tốt đến môi trường. Các trang thiết bị, máy móc của công ty cũng sẽ được thay thế và cải tiến hướng đến việc hạn chế tối đa tác động đến môi trường.

5.6. Rủi ro khác

Các rủi ro bất khả kháng như dịch bệnh, hỏa hoạn, chiến tranh,... đã gây ảnh hưởng lớn đến hoạt động của Công ty. Trong năm 2021, tình hình dịch bệnh covid-19 vẫn diễn biến phức tạp và công ty cũng bị ảnh hưởng bởi chính sách phong tỏa của chính quyền khiến hoạt động của công ty bị giảm sút, chi phí phòng chống dịch làm tăng chi phí đầu vào. Hỏa hoạn có thể gây thiệt hại rất lớn về người và của, từ việc phá hủy một phần đến phá hủy hoàn toàn cơ sở hạ tầng, nhà xưởng máy móc, trang thiết bị của Công ty.

II. Tình hình hoạt động trong năm

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2021 được thể hiện qua một số chỉ tiêu dưới đây:

ST T	Khoản mục	Năm 2020 (VND)	Năm 2021 (VND)	Tỷ lệ 2021/2020 (%)
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	113.727.845.485	103.207.415.904	90,7%
2	Lợi nhuận trước thuế	4.601.473.342	6.314.776.190	137,2%
3	Lợi nhuận sau thuế	3.861.324.005	5.426.081.544	140,5%

Thị trường nhìn chung sụt giảm hơn so với năm 2020 do dịch bệnh Covid 19 bùng phát và diễn biến phức tạp. Nguồn nguyên liệu cũng như máy móc, thiết bị xem như là ổn định nhưng nhu cầu khách hàng không còn được như trước vì một số dự án xây dựng tại Hà Nội và các tỉnh lân cận không triển khai được theo kế hoạch.

Ngoài ra một đặc điểm chung của các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ cho thuê máy và thiết bị là quy mô không lớn và mang tính cục bộ địa phương cao. Do liên quan đến vấn đề bảo trì – bảo dưỡng cũng như vận chuyển máy móc nên làm giảm khả năng cạnh tranh của các doanh nghiệp cách xa khu vực công trường xây dựng.

Trước những diễn biến phức tạp của dịch bệnh và những khó khăn của ngành trong năm 2021 doanh nghiệp phải đổi mới, Ban lãnh đạo Công ty vẫn sẽ duy trì hoạt động hiện tại nhưng chuyển hướng đa dạng hóa ngành nghề, lĩnh vực kinh doanh. Một trong số những lĩnh vực mà GMA hướng tới là ngành kinh doanh ô tô thương mại và các dịch vụ liên quan. Qua tìm hiểu và nghiên cứu thị trường, Ban lãnh đạo nhận thấy đây là một ngành kinh doanh tiềm năng, nền tảng kỹ thuật chuyên môn cao. Hiện có nhiều đối tác đang đề nghị cùng hợp tác và phát triển lĩnh vực kinh doanh này. Ban Điều hành Công ty kỳ vọng lĩnh vực này sẽ bùng nổ trong giai đoạn tới.

2. Tổ chức và nhân sự

- Ban điều hành và những thay đổi trong Ban điều hành trong năm 2021:

2.1 Bà Đỗ Thị Thanh Hương được bầu làm Tổng giám đốc từ tháng 6/2016 đến tháng 6/2021 của Công ty cổ phần Enteco Việt Nam. Trước đó, bà từng giữ các chức vụ cao tại Công ty cổ phần Tập đoàn Thành Nam. Bà Đỗ Thị Thanh Hương có trình độ chuyên môn là Cử nhân Tài chính kế toán.

Ngày 08/6/2021, bà Đỗ Thị Thanh Hương đã có đơn xin từ nhiệm và được miễn nhiệm chức danh Tổng giám đốc.

2.2 Bà Nguyễn Thị Thanh Thủy giữ chức vụ Tổng giám đốc từ tháng 6/2021 đến tháng 10/2021. Tuy nhiên, sau đó Công ty có sự sắp xếp lại về bộ máy lãnh đạo cấp cao, bà Nguyễn Thị Thanh Thủy đã được bầu làm Chủ tịch HĐQT và miễn nhiệm chức danh Tổng giám đốc. Bà Thủy có trình độ chuyên môn là Thạc sỹ Quản trị kinh doanh.

2.3 Ông Nguyễn Trần Minh Quân được bầu làm Tổng giám đốc Công ty cổ phần Enteco Việt Nam từ tháng 10/2021 đến nay. Trước đó, ông Nguyễn Trần Minh Quân giữ một số chức vụ trong bộ máy điều hành của Công ty. Ông Quân có trình độ chuyên môn là Thạc sỹ Kinh tế.

2.4 Bà Trịnh Thị Tú Anh được bầu làm Phó Tổng giám đốc của Công ty cổ phần Enteco Việt Nam từ tháng 7/2017 đến tháng 7/2021. Trước đó, bà Trịnh Thị Tú Anh từng giữ chức vụ Trưởng phòng Xuất nhập khẩu của Tập đoàn Thành Nam. Bà Trịnh Thị Tú Anh có trình độ Cử nhân Kinh tế.

2.5 Ông Nguyễn Anh Tuấn được bầu làm Phó Tổng giám đốc Công ty cổ phần Enteco Việt Nam từ tháng 6/2016 đến tháng 7/2021. Trước đó, ông Nguyễn Anh Tuấn giữ chức danh Giám đốc Chi nhánh Công ty TNHH OnTime Worldwide Logistics Việt Nam - CN Hà Nội. Ông Tuấn có trình độ chuyên môn là Cử nhân Kinh tế.

- 2.6 Bà Nguyễn Thị Lý được bầu làm Kế toán trưởng Công ty cổ phần Enteco Việt Nam từ tháng 3/2018 đến tháng 6/2021. Bà Lý từng gắn bó với Công ty trong nhiều năm với chức danh là Kế toán tổng hợp. Bà Lý có trình độ chuyên môn là Cử nhân Kế toán.
- 2.7 Bà Đỗ Minh Khuyên được bầu làm Kế toán trưởng thay thế cho bà Nguyễn Thị Lý từ tháng 6/2021. Bà Khuyên có trình độ chuyên môn là Cử nhân Tài chính Kế toán.
- Số lượng cán bộ, nhân viên. Tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động.

Chính sách đối với người lao động

Chất lượng nguồn nhân lực là một yếu tố quan trọng quyết định sự phát triển lâu dài và bền vững của một tổ chức. Do vậy, Công ty luôn đặt định hướng xây dựng đội ngũ nhân viên có trình độ chuyên môn, tay nghề cao, có mong muốn cống hiến lâu dài.

Bảng 2. Cơ cấu lao động của Công ty tại thời điểm 31/12/2021

STT	Trình độ	Số người	Tỷ lệ (%)
1	Trên đại học	3	14.3%
2	Trình độ đại học và tương đương	13	61.9%
3	Trình độ cao đẳng, trung cấp	5	23,8
4	Trình độ khác	0	0
	Tổng cộng	21	100

(Nguồn: Công cổ phần Enteco Việt Nam)

- Thời gian làm việc: Công ty tổ chức làm việc 8h/ngày, 48 giờ trong tuần. Tùy theo điều kiện, khối lượng công việc và khả năng thực hiện nhiệm vụ mà tổ chức thực hiện chế độ làm việc 40 giờ trong tuần (05 ngày) nghỉ thứ 7, chủ nhật. Trường hợp phải làm thêm giờ do yêu cầu của sản xuất kinh doanh không quá 04 giờ trong một ngày và 200 giờ trong một năm.
- Nghỉ phép, nghỉ lễ, tết: Thực hiện theo Luật lao động, nhân viên Công ty được nghỉ lễ, tết, nghỉ phép theo quy định của Bộ Luật lao động.
- Điều kiện làm việc: Văn phòng làm việc khang trang, thoáng mát, trang bị đầy đủ dụng cụ, thiết bị hỗ trợ công việc. Những CBCNV do yêu cầu công việc phải đi công tác xa sẽ được hưởng phụ cấp công tác phí và thanh toán các khoản phí đi lại, ăn ở theo quy định của pháp luật.
- Chính sách tuyển dụng, đào tạo: Công ty đã xây dựng quy chế đào tạo được công bố công khai tới toàn bộ CBCNV trong Công ty. Quy chế đào tạo được xây dựng phù hợp theo các yêu cầu của công việc. Việc tuyển dụng lao động đảm bảo công khai, công bằng theo quy định của Nhà nước.
- Chính sách lương và thưởng: CBCNV của Công ty được tham gia và hưởng các chế độ về BHXH, BHYT, BHTN theo quy định của pháp luật. Ngoài ra, tùy cương vị công tác mà CBCNV công ty còn nhận được phụ cấp theo đặc thù vị trí công việc. Công ty luôn đảm bảo trả lương thỏa đáng (không hạn chế mức tối đa) đối với người có tài năng, có trình độ chuyên môn, kỹ thuật và đóng góp nhiều cho đơn vị, nhằm tạo động lực khuyến khích, động viên CBCNV không ngừng phấn đấu tăng năng suất lao động, chất lượng công tác, hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao. Việc trả lương, thưởng luôn đảm bảo dân chủ, công khai.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

a) Các khoản đầu tư lớn:

Thực hiện phê duyệt của Hội đồng quản trị, Ban lãnh đạo Công ty đã tiếp tục triển khai việc đầu tư vào các công ty mục tiêu hiện sở hữu bất động sản tiềm năng, hoạt động kinh doanh thương mại và dịch vụ ô tô. Trong năm 2021 Công ty tiến hành đầu tư thông qua việc góp vốn vào Công ty TNHH Đầu tư Thương mại An Dân Hưng Yên (tỷ lệ 49%) là đại lý 3S của Hãng xe Mitsubishi tại Hưng Yên.

Trong năm 2021, do có sự điều chỉnh trong định hướng đầu tư và kế hoạch thực hiện nên việc đầu tư vào các dự án chưa đáp ứng được tiến độ đề ra. Trong các năm tới, Ban lãnh đạo Công ty sẽ từng bước cơ cấu lại tài sản, đưa ra các giải pháp tối ưu để thúc đẩy hơn nữa việc đầu tư mở rộng hoạt động kinh doanh.

b) Tình hình thực hiện các dự án:

Tính đến 31/12/2021, Công ty có 1 công ty liên kết là Công ty TNHH Đầu tư Thương mại An Dân Hưng Yên (tỷ lệ sở hữu tại Công ty này là 49% vốn điều lệ), đây là đại lý 3S của Hãng xe Mitsubishi tại Hưng Yên. Hiện tại, dự án đã được đưa vào kinh doanh.

4. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài chính

Chỉ tiêu	Năm 2020 (triệu đồng)	Năm 2021 (triệu đồng)	% tăng giảm
<i>* Đối với tổ chức không phải là tổ chức tín dụng và tổ chức tài chính phi ngân hàng</i>			
Tổng giá trị tài sản			
Doanh thu thuần	184,155	109,678	40,44%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	113,728	103,207	-9,25%
Lợi nhuận khác	800	5,677	6.096.25%
Lợi nhuận trước thuế	3,802	637	-83,24%
Lợi nhuận sau thuế	4,601	6,315	37,20%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	3,861	5,426	40,53%
	-	-	-

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2021	Ghi chú
<i>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</i>			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn	1.21	3.57	
Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn			
+ Hệ số thanh toán nhanh	1.14	3.32	
<u>Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho</u>			
<u>Nợ ngắn hạn</u>			
<i>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</i>			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0.60	0.28	
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	1.52	0.40	
<i>3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</i>			
+ Vòng quay hàng tồn kho	24.00	21.51	
Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân			
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	0.88	0.94	
<i>4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</i>			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	3.5%	5.3%	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	5.9%	6.9%	
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	3.0%	4.9%	
	1.4%	5.5%	

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

- a) Cổ phần:
- Tổng số cổ phần Công ty: 6.000.000
 - Số lượng cổ phần đang lưu hành: 6.000.000
 - Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do: 6.000.000
 - Số lượng cổ phần hạn chế chuyển nhượng: 0

b) Cơ cấu cổ đông:

Bảng 3: Cơ cấu cổ đông của Công ty tại ngày chốt 23/02/2021:

STT	Cổ đông	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phần (cổ phần)	Giá trị cổ phần theo mệnh giá (VND)	Tỷ lệ/Vốn điều lệ (%)
Cơ cấu theo cổ đông lớn, cổ đông nhỏ					
1	Công ty cổ phần Chứng khoán EVS	1	900.000	9.000.000.000	15
2	Công ty Cổ phần Tập đoàn Gami	1	1.080.000	10.800.000.000	18
3	Công ty TNHH Đầu tư G-Holding	1	1.140.000	11.400.000.000	19
4	Quỹ đầu tư khám phá giá trị Ngân hàng Công thương Việt Nam	1	1.080.000	10.800.000.000	18
5	Cổ đông khác	123	1.800.000	18.000.000.000	30
Tổng cộng		127	6.000.000	60.000.000.000	100
Cơ cấu cổ đông trong nước/nước ngoài, cá nhân/tổ chức					
I	Trong nước	127	6.000.000	60.000.000.000	100
1	Tổ chức	4	4.200.000	42.000.000.000	70
2	Cá nhân	123	1.800.000	18.000.000.000	30
II	Nước ngoài	0	0	0	0
III	Cổ phiếu quỹ	0	0	0	0
Tổng cộng		127	6.000.000	60.000.000.000	100

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Không

d) Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không

e) Các chứng khoán khác: Không

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty

6.1. Quản lý nguồn nguyên vật liệu:

- a. Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm: Nguồn nguyên liệu chính dùng để bảo dưỡng, sửa chữa cho máy cẩu, máy khoan ... Tổng giá trị nguyên vật liệu sử dụng trong năm khoảng 6,1 tỷ đồng.
- b. Báo cáo tỉ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức: Theo đặc thù ngành kinh doanh nên Công ty không sử dụng nguồn nguyên vật liệu tái chế.

6.2. Tiêu thụ năng lượng:

- a. Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp: Tổng số điện tiêu thụ trong năm không quá 50.000KW nhằm mục đích sử dụng cho xưởng sửa chữa và Văn phòng làm việc của Công ty.

- b. Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả: Công ty áp dụng triệt để các biện pháp tiết kiệm điện như: Chế độ sử dụng điều hòa, Tắt điện điều hòa trước khi kết thúc ngày làm việc tối thiểu 5 phút.
- c. Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng (cung cấp các sản phẩm và dịch vụ tiết kiệm năng lượng hoặc sử dụng năng lượng tái tạo); báo cáo kết quả của các sáng kiến này: Không có.

6.3. Tiêu thụ nước:

- a. Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng: Nguồn cung cấp nước là Công ty nước sạch Hà Đông, tổng lượng nước sử dụng năm 2021 khoảng 820m³.
- b. Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng: 0% – 100%

6.4. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

- a. Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không.
- b. Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không.

6.5. Chính sách liên quan đến người lao động

Công ty đã và đang tạo được việc làm ổn định cho người lao động, luôn tuân thủ thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về lao động; duy trì đều đặn các chính sách phúc lợi hàng năm, tạo điều kiện để CBCNV thể hiện năng lực, được học hỏi nâng cao kiến thức chuyên môn. Kết quả đạt được cho thấy đội ngũ CBCNV có năng lực nghiệp vụ chuyên ngành phù hợp, với mục tiêu chính là xây dựng công ty ngày càng phát triển vững mạnh, tăng cao hiệu quả đầu tư của các cổ đông, nâng cao đời sống CBCNV. Mặt khác, thu nhập của người lao động trong những năm gần đây liên tục có sự cải thiện cũng góp phần tạo nên những điểm sáng về kết quả thực hiện mục tiêu đối với những người đã luôn gắn bó với Công ty.

- a. Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động:

Bảng 4: Thu nhập bình quân của người lao động trong Công ty

Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2021
Số lao động bình quân (người)	21	21
Thu nhập bình quân (triệu đồng/người/tháng)	10	15,5

(Nguồn: Công ty Cổ phần Enteco Việt Nam)

Trong năm, Công ty có tiến hành đánh giá lại nhân sự, tuyển dụng thay thế nên đã giảm lượng lao động chưa đáp ứng yêu cầu và định hướng sẽ tuyển dụng các vị trí cần thiết trong thời gian tới đảm bảo hoạt động liên tục và hiệu quả của Công ty.

- b. Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động:

Công ty luôn tuân thủ và thực hiện nghiêm các quy định liên quan đến chế độ của người động như: Áp dụng việc khám sức khỏe định kỳ 1 lần/1 năm cho người lao động; Lao động nữ sinh đẻ được hưởng chế độ thai sản, chế độ nuôi con dưới 1 tuổi; các chế độ thăm hỏi ốm đau, hỗ trợ các hoàn cảnh khó khăn...

- c. Hoạt động đào tạo người lao động

- Số giờ đào tạo trung bình mỗi năm, theo nhân viên và theo phân loại nhân viên:
 - o Đối với Cấp quản lý là 32 giờ (8 giờ/khóa/quý)
 - o Đối với Cấp nhân viên là 16 giờ (8h/khóa/2 quý)
- Các chương trình phát triển kỹ năng và học tập liên tục để hỗ trợ người lao động đảm bảo có việc làm và phát triển sự nghiệp. Trong năm, Công ty đã tổ chức đào tạo nội bộ các khóa học sau:
 - o Khóa học kỹ năng quản lý cấp trung;
 - o Khóa học đào tạo cán bộ nguồn;

- o Khóa học đào tạo Ban Vận hành theo các module dành riêng cho nhóm: Quản trị nội bộ, Tuyển dụng, C&B, Đào tạo và văn hóa, Quản lý tài sản, Quan hệ lao động đơn vị;
- o Khóa học đào tạo văn hóa mạnh;
- o khóa học cập nhật về các quy định Pháp luật liên quan Công ty đã niêm yết cổ phiếu trên thị trường Chứng khoán.

6.6. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

Công ty nghiêm túc tuân thủ các quy định cũng như ủng hộ các chính sách, chương trình của Nhà nước trong các hoạt động đầu tư cộng đồng và hoạt động phát triển cộng đồng khác, bao gồm hỗ trợ tài chính nhằm phục vụ cộng đồng.

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

Năm 2021 là một năm tương đối khó khăn khi dịch bệnh Covid 19 ảnh hưởng đến tất cả các mặt của đời sống và Công ty cũng không nằm ngoài những tác động này. Khách hàng thuê máy và giá cả dịch vụ sụt giảm trong 6 tháng đầu năm nhưng dần phục hồi vào 6 tháng cuối năm 2021 do Việt Nam kiểm soát tốt dịch bệnh. Mặc dù tình hình kinh tế khó khăn nhưng Ban Lãnh đạo Công ty đã nỗ lực đàm phán với các nhà cung cấp để giảm giá đầu vào, tận dụng tốt các cơ hội thị trường, duy trì và phát huy mối quan hệ với các nhà khách hàng lớn... nên kết quả kinh doanh mặc dù doanh thu giảm nhưng Lợi nhuận lại có sự tăng trưởng tích cực so với năm 2020, cụ thể:

STT	Chỉ tiêu	Năm 2020 (triệu đồng)	KH năm 2021 (triệu đồng)	Thực hiện năm 2021 (triệu đồng)	Tỷ lệ hoàn thành KH
1	Doanh thu	113.728	170.000	103.207	60,71%
1.1	- Doanh thu bán hàng hóa	87.115		91.366	
1.2	- Doanh thu cung cấp dịch vụ	26.613		11.841	
2	Lợi nhuận sau thuế	3.861	5.460	5,426	99,37%
3	Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/DT	3,4%	3,21%	5,3%	165,1%
4	Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/Vốn điều lệ	6,44%	9,1%	9,04%	99,34%

Trong năm, Công ty đã từng bước kiện toàn cơ cấu tổ chức cũng như các quy định quản trị nội bộ góp phần nâng cao năng lực giám sát, rút ngắn thời gian phê duyệt, tăng hiệu quả quản trị.

2. Tình hình tài chính

a. Tình hình tài sản

Tổng tài sản của Công ty đến ngày 31/12/2021 là 109.678.486.913 đồng, giảm hơn 40,44% so với năm 2020 do Công ty đẩy mạnh việc thu hồi công nợ với khách hàng và nhà cung cấp. Ngoài ra, thực hiện theo chủ trương của Ban lãnh đạo, Công ty tiếp tục tiến hành đầu tư tài chính vào lĩnh vực kinh doanh ô tô thương mại, cụ thể là đầu tư nắm giữ 49% vốn điều lệ của Công ty TNHH Đầu tư Thương mại An Dân Hưng Yên - đơn vị kinh doanh xe ô tô thương hiệu Mitsubishi tại địa bàn tỉnh Hưng Yên.

b. Tình hình nợ phải trả

- Tình hình nợ hiện tại, biến động lớn về các khoản nợ: Tổng nợ phải trả tính đến 31/12/2021 là 31.226.423.043 đồng do công ty đã đàm phán với nhà thầu và nhà cung cấp để giảm giá hàng nhập đồng thời sử dụng nguồn vốn thu công nợ từ khách hàng để thanh toán các nghĩa vụ phải trả trong năm.

- Phân tích nợ phải trả xấu, ảnh hưởng chênh lệch của tỉ lệ giá hồi đoái đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty, ảnh hưởng chênh lệch lãi vay: Trong năm Công ty không phát sinh nợ

phải trả xấu, ảnh hưởng chênh lệch của tỉ lệ giá hối đoái đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty, ảnh hưởng chênh lệch lãi vay.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý:

Để đảm bảo các tiêu chuẩn của Công ty niêm yết, trong năm Công ty đã cơ cấu lại bộ máy tổ chức cũng như chính sách quản lý của Công ty nhằm mục tiêu hoạt động kinh doanh hiệu quả, minh bạch.

- Công ty ban hành và áp dụng các quy chế theo quy định: Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động của HĐQT, Quy chế hoạt động của BKS, Quy định về công bố thông tin;
- Kiện toàn bộ máy quản trị, kiểm soát của Công ty theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và quy định liên quan đến quản trị công ty niêm yết;
- Thay đổi và bổ nhiệm một số cán bộ có kinh nghiệm và năng lực đảm bảo hoạt động kinh doanh hiệu quả;

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai:

Trong tương lai, Công ty kỳ vọng sẽ phát triển thêm một lĩnh vực kinh doanh mới cho Công ty liên quan đến mua bán và cung cấp dịch vụ, cho thuê ô tô. Đây là ngành kinh doanh tiềm năng với nền tảng kỹ thuật cao, thị trường còn nhiều cơ hội tăng trưởng.

Trước mắt, Công ty thực hiện đầu tư vào một số các doanh nghiệp có danh tiếng trên thị trường về cả mảng đại lý phân phối và phát triển dự án bất động sản liên quan. Từ đó, thâm nhập vào thị trường kinh doanh ô tô, tiếp cận với cách thức vận hành hoạt động của lĩnh vực này, đẩy mạnh đầu tư mở rộng thị trường trong thời gian tới.

5. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty:

a. Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường (tiêu thụ nước, năng lượng, phát thải...):

Hoạt động kinh doanh của Công ty ít ảnh hưởng đến các chỉ tiêu môi trường như tiêu thụ nước, năng lượng, phát thải ... Tuy nhiên, Công ty luôn áp dụng các chính sách tiết kiệm nguồn năng lượng, tuân thủ các quy định của pháp luật về phát thải tại xưởng dịch vụ.

b. Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động:

Công ty xây dựng nền tảng người lao động là vấn đề then chốt. Công ty thực hiện đầy đủ, tốt các chế độ, chính sách với người lao động, đảm bảo công việc có thu nhập ổn định, gắn liền với hiệu quả hoạt động của Công ty, có chính sách để giữ chân người lao động làm việc lâu dài. Thực hiện tốt công tác dân chủ trong doanh nghiệp, tiếp xúc, đối thoại thường xuyên với người lao động, tạo môi trường làm việc an toàn, tích cực, cạnh tranh, lành mạnh cho người lao động.

c. Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương:

Công ty xác định và tự nguyện thực hiện nghiêm túc vấn đề trách nhiệm cộng đồng trở thành mục tiêu chiến lược để xây dựng nền kinh tế bền vững trong phạm vi nội bộ doanh nghiệp, hoạt động kinh doanh và cộng đồng.

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội:

Năm 2021 qua đi với muôn vàn khó khăn và thách thức đối với hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty nói riêng và thị trường xây dựng nói chung. Hội đồng quản trị công ty đã có những chỉ đạo, phương hướng, hành động quyết liệt, kịp thời trong những lúc cần thiết để giúp công ty vượt qua những thử thách từ thị trường.

Tình hình tài chính doanh nghiệp ổn định, bảo toàn được vốn, các khoản vay trả rõ ràng, các hệ số về khả năng thanh toán hiện hành, khả năng thanh toán nợ đến hạn duy trì tốt đảm bảo các khoản nợ được trả đúng hạn. Vòng quay vốn lưu động được kiểm soát chặt chẽ, đảm bảo hiệu suất sử dụng hợp lý, các máy móc thiết bị đã khấu hao hết được thanh lý, hoàn trả vốn đầu tư.

Nhìn chung, năm 2021 tuy có nhiều khó khăn, doanh thu giảm nhưng do quản lý chặt chẽ, tình hình tài chính của Công ty vẫn ổn định, có lãi và có tích lũy, tạo điều kiện cho doanh nghiệp duy trì và phát triển trong các năm tiếp theo.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc công ty:

Năm 2021, Ban Tổng giám đốc Công ty đã có nhiều nỗ lực trong việc ổn định hoạt động kinh doanh trước bối cảnh thị trường xây dựng nói chung và thị trường kinh doanh máy móc thiết bị xây dựng nói riêng luôn thiếu vốn và thiếu việc làm. Ban Tổng giám đốc đã có kế hoạch cụ thể triển khai hiệu quả phương hướng nhiệm vụ mà HĐQT đã đặt ra với tinh thần trách nhiệm cao nhất. Ban TGD đã phân công nhiệm vụ, trách nhiệm rõ ràng chỉ đạo kịp thời đi sâu, đi sát hoạt động kinh doanh của Công ty.

Ban Điều hành Công ty năm 2021 đã nỗ lực triển khai các nội dung công việc mà Đại hội đồng cổ đông giao, đồng thời ổn định được hoạt động kinh doanh, đảm bảo duy trì đội ngũ CBCNV trong bối cảnh thị trường khó khăn như năm vừa qua.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị:

Trong năm 2022 và các năm tới, HĐQT cũng như Ban Điều hành của Công ty kiên quyết tập trung chỉ đạo theo định hướng đa dạng lĩnh vực hoạt động kinh doanh của Công ty, làm tốt chức năng nhiệm vụ, đảm bảo lợi ích Công ty cụ thể:

- Tích cực tìm kiếm giải pháp và thâm nhập thị trường kinh doanh và cung cấp dịch vụ, cho thuê ô tô và đầu tư vào các công ty là đại lý của các hãng ô tô nổi tiếng thế giới;
- Nâng cao năng lực quản trị doanh nghiệp, tăng cường công tác quản lý nội bộ, thực hiện chặt chẽ chế độ khoán, định mức chi phí; tăng cường quản lý vật tư nhiên liệu, cắt giảm chi phí;
- Kịp thời rà soát, điều chỉnh kế hoạch đầu tư, kế hoạch chi phí và kế hoạch thị trường phù hợp với điều kiện thực tế;
- Ngoài ra, Hội đồng quản trị sẽ theo sát diễn biến kinh tế - xã hội, ứng dụng công nghệ thông tin vào hoạt động quản lý, kịp thời đưa ra các định hướng, chỉ đạo của Ban Điều hành trong hoạt động sản xuất kinh doanh, đảm bảo mục tiêu nâng cao doanh thu và lợi nhuận hoàn thành chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh năm 2022 và các năm tiếp theo, thực hiện tốt công tác an sinh xã hội.
- Giám sát việc thực hiện công bố thông tin của Công ty trên phương tiện thông tin đại chúng, đảm bảo tính minh bạch, công khai theo quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội, tiếp tục lựa chọn công ty kiểm toán có năng lực thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm 2022.
- Hội đồng quản trị chỉ đạo và cùng Ban Điều hành Công ty tích cực tìm kiếm dự án đầu tư có hiệu quả để sử dụng hiệu quả nguồn vốn đưa Công ty ngày càng phát triển bền vững.

V. Quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị

a. Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

STT	Họ và tên	Chức danh	Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết	Tỷ lệ sở hữu các chứng khoán khác do công ty phát hành	Số lượng chức danh thành viên HĐQT nắm giữ tại các công ty khác	Ghi chú
1	Nguyễn Hải Châu	Chủ tịch HĐQT	2,5%	0	5	Ngày 06/10/2021 ông Châu thôi giữ

						chức Chủ tịch HĐQT
2	Đỗ Thị Thanh Hương	Thành viên HĐQT	0,001%	0	0	Miễn nhiệm ngày 20/5/2021
3	Đoàn Minh Hải	Thành viên HĐQT	0%	0	0	Thành viên độc lập. Miễn nhiệm ngày 20/5/2021
4	Nguyễn Thị Hương	Thành viên HĐQT	0,002%	0	0	Thành viên độc lập. Miễn nhiệm ngày 20/5/2021
5	Nguyễn Trần Minh Quân	Thành viên HĐQT	2,5%	0	0	
6	Bà Nguyễn Thị Thanh Thủy	Thành viên HĐQT	4,9%	0	0	Bổ nhiệm ngày 20/5/2021. Ngày 06/10/2021 bà Thủy được bầu giữ chức Chủ tịch HĐQT
7	Ông Bùi Đức Toàn	Thành viên HĐQT	0	0	0	Bổ nhiệm ngày 20/5/2021
8	Bà Ninh Thị Liễu	Thành viên HĐQT độc lập	0	0	0	Bổ nhiệm ngày 20/5/2021

b. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: Công ty chưa thành lập Tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị.

c. Hoạt động của Hội đồng quản trị:

Trong năm 2021, Hội đồng quản trị tổ chức 16 cuộc họp để thông qua các vấn đề thuộc thẩm quyền, cụ thể như sau:

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
1	01/2021/NQ-HĐQT	01/02/2021	Thông qua việc triệu tập ĐHĐCĐ thường niên 2021	100%
2	02/2021/NQ-HĐQT	02/03/2021	Thông qua việc hủy danh sách cổ đông chốt ngày 23/02/2021 tham dự và hoãn tổ chức ĐHĐCĐ thường niên 2021	100%
3	03/2021/NQ-HĐQT	31/03/2021	Thông qua việc triệu tập ĐHĐCĐ thường niên 2021	100%
4	04/2021/NQ-HĐQT	02/04/2021	Điều chỉnh ngày chốt danh sách cổ đông sang ngày 23/04/2021	100%
5	05/2021/NQ-HĐQT	28/04/2021	Thông qua thời gian, địa điểm, chương trình, tài liệu họp ĐHĐCĐ thường niên 2021	100%
6	07/2021/NQ-HĐQT	20/5/2021	Thông qua việc bầu Chủ tịch HĐQT	100%
7	0806/2021/001/QĐNS-HĐQT	08/06/2021	Quyết định bổ nhiệm Kế toán trưởng	100%
8	0806/2021/002/QĐNS-HĐQT	08/06/2021	Quyết định bổ nhiệm Tổng giám đốc	100%
9	0806/2021/003/QĐNS-HĐQT	08/06/2021	Quyết định miễn nhiệm Kế toán trưởng	100%
10	0806/2021/004/QĐNS-HĐQT	08/06/2021	Quyết định miễn nhiệm Tổng giám đốc	100%
11	1907/2021/001/QĐNS-HĐQT	19/07/2021	Quyết định miễn nhiệm Phó Tổng giám đốc	100%

12	1907/2021/001/QĐNS-HDQT	19/07/2021	Quyết định miễn nhiệm Phó Tổng giám đốc	100%
13	1009/2021/QĐ-HDQT	10/9/2021	Đính chính Phương án phát hành cổ phần để tăng vốn điều lệ	100%
14	0410/2021/QĐ-HDQT	04/10/2021	Thay đổi Tổng giám đốc	100%
15	0510/2021/QĐ-HDQT	05/10/2021	Thay đổi Người đại diện theo pháp luật	100%
16	2110A/2021/NQ-HDQT	21/10/2021	Đầu tư mua phần vốn góp tại Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Du lịch Toàn Thắng (Công ty TNHH An Dân Hưng Yên)	100%

d. Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập

HĐQT có 02 thành viên độc lập, tham gia đầy đủ các cuộc họp và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của thành viên HĐQT. Thành viên HĐQT độc lập đóng góp vào sự thành công của một công ty bằng việc cung cấp những ý kiến và quan điểm sáng tạo mang đến giá trị thông qua những quan điểm hết sức mới mẻ cho các cuộc họp HĐQT. Chất lượng của việc đóng góp của một thành viên HĐQT độc lập không đơn thuần chỉ là tính độc lập mà chính là năng lực và sự can đảm bảo vệ ý kiến trước những quan niệm thông thường. Thành viên HĐQT độc lập tham gia vào HĐQT vì sự hiện diện của họ nhằm tinh thần trách nhiệm và minh bạch trong HĐQT. Đây là dấu hiệu thể hiện sự cam kết của Công ty với các đối tác bên ngoài về việc sẵn sàng giải quyết các mâu thuẫn tiềm tàng và tuân thủ các quy tắc được chấp nhận rộng rãi.

e. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty.

Trong năm 2021 do tình hình dịch bệnh nên Công ty chưa tổ chức khóa học cho thành viên HĐQT về quản trị công ty. Công ty sẽ thúc đẩy việc đào tạo về quản trị công ty trong năm 2022.

2. Ban Kiểm soát

a. Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát

STT	Họ và tên	Chức vụ	Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết	Tỷ lệ sở hữu các chứng khoán khác do công ty phát hành	Ghi chú
1	Lê Anh Bắc	Trưởng Ban Kiểm soát	0,001%	0	Miễn nhiệm ngày 20/5/2021
2	Đàm Thị Thu Hồng	Thành viên Ban Kiểm soát	0%	0	Miễn nhiệm ngày 20/5/2021
3	Hồ Thị Duyên	Thành viên Ban Kiểm soát	0%	0	Miễn nhiệm ngày 20/5/2021
4	Đỗ Thị Xuân	Trưởng Ban Kiểm soát	4,9%	0	Bổ nhiệm ngày 20/5/2021
5	Lê Thị Hương Giang	Thành viên Ban Kiểm soát	0%	0	Bổ nhiệm ngày 20/5/2021
6	Nguyễn Thị Chà	Thành viên Ban Kiểm soát	0%	0	Bổ nhiệm ngày 20/5/2021

b. Hoạt động của Ban kiểm soát:

STT	Số Biên bản họp	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
1	30.7/2021/BBH-BKS	30/07/2021	Đánh giá hoạt động kinh doanh 6 tháng đầu năm 2021.	100%
2	28.12/2021/BBH-BKS	28/12/2021	Đánh giá hoạt động kinh doanh năm 2021 và Xây dựng kế hoạch công tác năm 2022	100%

Năm 2021, Ban Kiểm soát đã tổ chức 02 cuộc họp định kỳ theo đúng quy định. Nội dung các cuộc họp nhằm triển khai công tác, kiểm tra, giám sát đối với Hội đồng quản trị và Ban điều hành khi thực hiện hoạt động sản xuất kinh doanh, kế toán tài chính và các hoạt động khác của công ty trong 6 tháng đầu năm 2021 và cả năm 2021 với sự tham gia đầy đủ của các thành viên Ban Kiểm soát.

Trong Báo cáo năm 2021, Ban Kiểm soát cũng đã đánh giá kết quả thực hiện, phân tích cụ thể các mặt đã được và các tồn tại trong hoạt động của Công ty. Đồng thời, Ban kiểm soát cũng đề xuất, kiến nghị rõ ràng những nội dung mà Hội đồng quản trị và Ban Điều hành của Công ty cần khắc phục trong thời gian tới. Báo cáo năm 2021 của Ban kiểm soát được sự đồng thuận và tiếp thu nghiêm khắc của Ban Điều hành, cũng như được HĐQT đánh giá cao và yêu cầu Ban Điều hành triển khai thực hiện.

Ban Kiểm soát luôn ý thức được nhiệm vụ được các cổ đông giao phó, cử người tham dự đầy đủ các cuộc họp của HĐQT để giám sát phối hợp. Trao đổi và đóng góp ý kiến thẳng thắn, trung thực với Hội đồng quản trị và Ban Điều hành công ty trong việc quản lý và điều hành hoạt động kinh doanh của công ty bảo đảm công ty hoạt động theo đúng nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên 2021 đề ra, phù hợp với mục tiêu của Công ty và các quy định của pháp luật.

Thông tin liên lạc giữa Ban Điều hành, Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát được thực hiện thường xuyên, Tổng giám đốc liên tục báo cáo nhanh thông tin qua các phương tiện liên lạc thông dụng như điện thoại, email về tình hình vận hành cho HĐQT và Ban Kiểm soát.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát:

a. Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích:

Trong năm 2021, Công ty chi trả thù lao cho HĐQT và BKS như sau:

- Hội đồng quản trị: 177.316.724 đồng;
- Ban Kiểm soát: 95.478.236 đồng.

Công ty chỉ chi trả lương cho Ban Tổng giám đốc và chức danh quản lý:

- Tổng giám đốc trong năm 2021: 116.240.029 đồng;
- Các cán bộ quản lý trong năm 2021: 93.144.659 đồng.

b. Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ:

Trong năm 2021, công ty không phát sinh giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ.

c. Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: Trong năm 2021, Công ty không thực hiện cũng như không ký kết Hợp đồng hoặc Giao dịch với công ty, các công ty con, các công ty mà công ty nắm quyền kiểm soát của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, các cán bộ quản lý và những người liên quan tới các đối tượng nói trên.

d. Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty: Công ty tuân thủ đầy đủ, chặt chẽ các quy định pháp luật về quản trị của công ty cổ phần đại chúng: Thực hiện lưu ký chứng khoán tại Trung tâm lưu ký Chứng khoán Việt Nam, đăng ký giao dịch cổ phiếu trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội; thực hiện công bố thông tin đầy đủ, kịp thời; tổ chức các phiên họp ĐHĐCĐ trước kỳ hạn, đủ nội dung và có chất lượng được nhiều cổ đông tham dự, tỷ lệ biểu quyết thông qua với tỷ lệ cao. Hội đồng quản trị gồm 05 thành viên có 02 thành viên độc lập và có 01 thành viên tham gia điều hành.

Trong thời gian tới, Công ty sẽ áp dụng các ứng dụng CNTT trong hoạt động vận hành nói chung cũng như công tác quản lý nói riêng để đảm bảo các quy định pháp luật cũng như quy định nội bộ được áp dụng một cách thuận tiện và hiệu quả nhất. Các công tác cần sự phối hợp từ nhiều đơn vị/bộ phận/phòng ban sẽ được quy trình hóa nhằm góp phần tăng hiệu quả làm việc giữa các bên, đảm bảo thời hạn và chất lượng công việc.

VI. Báo cáo tài chính

- 1. Ý kiến kiểm toán:** Chấp thuận toàn phần
- 2. Báo cáo tài chính được kiểm toán:**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CÔNG TY CỔ PHẦN ENTECO VIỆT NAM
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021
(đã được kiểm toán)



<u>NỘI DUNG</u>	<u>Trang</u>
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 – 4
Báo cáo kiểm toán độc lập	5 – 6
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán:	
Bảng cân đối kế toán	7 – 8
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	9
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	10
Thuyết minh Báo cáo tài chính	11 – 32

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Enteco Việt Nam (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Enteco Việt Nam được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0105558271 do Sở kế hoạch Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 10 tháng 10 năm 2011, thay đổi lần thứ 06 vào ngày 13 tháng 10 năm 2021.

Địa chỉ trụ sở chính của Công ty tại: Số nhà 20, phố Phạm Hồng Thái, phường Nguyễn Trung Trực, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KHÓA SỔ KẾ TOÁN

Ban Tổng Giám đốc điều hành Công ty khẳng định rằng, không có sự kiện trọng yếu nào khác xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày phát hành báo cáo này bao gồm:

Bà Nguyễn Thị Thanh Thủy	Chủ tịch HĐQT (Bỏ nhiệm ngày 06/10/2021)
Ông Nguyễn Hải Châu	Chủ tịch HĐQT (Miễn nhiệm ngày 06/10/2021)
Ông Nguyễn Trần Minh Quân	Thành viên
Ông Bùi Đức Toàn	Thành viên (Bỏ nhiệm ngày 20/05/2021)
Bà Ninh Thị Liễu	Thành viên (Bỏ nhiệm ngày 20/05/2021)
Ông Đoàn Minh Hải	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 20/05/2021)
Bà Đỗ Thị Thanh Hương	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 20/05/2021)
Bà Nguyễn Thị Hương	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 20/05/2021)

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành công ty trong năm và tại ngày phát hành báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Trần Minh Quân	Tổng Giám đốc (Bỏ nhiệm ngày 04/10/2021)
Bà Nguyễn Thị Thanh Thủy	Tổng Giám đốc (Bỏ nhiệm ngày 08/06/2021 và Miễn nhiệm ngày 04/10/2021)
Bà Đỗ Thị Thanh Hương	Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 08/06/2021)
Ông Nguyễn Anh Tuấn	Phó Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 19/07/2021)
Bà Trịnh Thị Tú Anh	Phó Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 19/07/2021)

Các thành viên của Ban Kiểm soát công ty trong năm và tại ngày phát hành báo cáo này bao gồm:

Bà Đỗ Thị Xuân	Trưởng ban (Bỏ nhiệm ngày 20/05/2021)
Ông Lê Anh Bắc	Trưởng ban (Miễn nhiệm ngày 20/05/2021)

CÔNG TY CỔ PHẦN ENTECO VIỆT NAM

Số 20 Phạm Hồng Thái, P. Nguyễn Trung Trực, Q. Ba Đình, Tp. Hà Nội.

Bà Lê Thị Hương Giang	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 20/05/2021)
Bà Nguyễn Thị Chà	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 20/05/2021)
Bà Đàm Thị Thu Hồng	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 20/05/2021)
Bà Hồ Thị Duyên	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 20/05/2021)

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 của Công ty Cổ phần Enteco Việt Nam đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán TTP. Đơn vị đủ điều kiện kiểm toán cho các công ty đại chúng, công ty đại chúng thuộc lĩnh vực chứng khoán theo quy định của Bộ tài chính và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục. Công ty tiếp tục hoạt động và thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh của mình trong năm tài chính tiếp theo;
- Kể từ ngày kết thúc kỳ hoạt động đến ngày lập Báo cáo tài chính, chúng tôi khẳng định rằng không phát sinh bất kỳ một sự kiện nào có thể ảnh hưởng đáng kể đến các thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính và ảnh hưởng tới hoạt động của Công ty cho năm tài chính tiếp theo

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN ENTECO VIỆT NAM

Số 20 Phạm Hồng Thái, P. Nguyễn Trung Trực, Q. Ba Đình, Tp. Hà Nội.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của luật chứng khoán và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC, ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên Thị trường Chứng khoán.

Hà Nội, ngày 22 tháng 03 năm 2022

TM. Ban Tổng Giám đốc
Tổng Giám đốc



Nguyễn Trần Minh Quân



Số : 253/BCKT-TC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Enteco Việt Nam

Chúng tôi, Công ty TNHH Kiểm toán TTP đã kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 của Công ty Cổ phần Enteco Việt Nam được lập ngày 22 tháng 03 năm 2022 gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 được trình bày từ trang 07 đến trang 32 kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được đầy đủ và thích hợp là cơ sở cho ý kiến kiểm toán viên của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Enteco Việt Nam tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan về lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Hà Nội, ngày 22 tháng 03 năm 2022

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN TTP
Phó Tổng Giám đốc

Kiểm toán viên



Trần Thị Hạnh
Số Giấy CN ĐKHN
Kiểm toán: 0726-2018-133-1

Nguyễn Hà Phương
Số Giấy CN ĐKHN
Kiểm toán: 4033-2018-133-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND
Số đầu năm

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		24.124.176.730	104.171.141.711
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	3	117.378.107	1.541.859.946
1. Tiền	111		117.378.107	1.541.859.946
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	4	-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		22.290.321.571	95.295.230.172
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5	6.113.673.014	88.195.055.256
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	6	242.595.990	6.754.774.216
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	7	39.000.000	-
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	8	15.955.651.867	406.000.000
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137	9	(60.599.300)	(60.599.300)
IV. Hàng tồn kho	140	10	1.710.433.717	6.677.785.608
1. Hàng tồn kho	141		1.710.433.717	6.677.785.608
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		6.043.335	656.265.985
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	12.a	6.043.335	656.265.985
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	-
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		85.554.310.183	79.984.265.745
II. Tài sản cố định	220		-	3.624.457.745
1. Tài sản cố định hữu hình	221	11	-	3.624.457.745
- Nguyên giá	222		227.751.865	9.519.096.512
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(227.751.865)	(5.894.638.767)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	4	85.340.187.965	76.359.808.000
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		11.760.000.000	-
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		73.580.187.965	76.359.808.000
VI. Tài sản dài hạn khác	260		214.122.218	-
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	12.b	214.122.218	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		109.678.486.913	184.155.407.456

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021
(Tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		31.226.423.043	111.129.425.130
I. Nợ ngắn hạn	310		6.754.890.651	85.770.883.130
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	14	2.129.105.000	73.713.007.848
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	15	1.988.525.000	6.195.000
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	16	1.027.405.834	5.475.721.267
4. Phải trả người lao động	314		1.313.738.378	-
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	17a	279.479.492	40.454.990
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	18	16.636.947	-
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	13.a	-	6.535.504.025
II. Nợ dài hạn	330		24.471.532.392	25.358.542.000
1. Chi phí phải trả dài hạn	333	17b	1.361.532.392	-
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	13.b	23.110.000.000	25.358.542.000
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		78.452.063.870	73.025.982.326
I. Vốn chủ sở hữu	410	19	78.452.063.870	73.025.982.326
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		60.000.000.000	60.000.000.000
2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		18.452.063.870	13.025.982.326
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		13.025.982.326	9.164.658.321
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		5.426.081.544	3.861.324.005
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		109.678.486.913	184.155.407.456

Hà Nội, ngày 22 tháng 03 năm 2022

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Đỗ Minh Khuyên



Đỗ Minh Khuyên



Nguyễn Trần Minh Quân

BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH

Năm 2021

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	21	103.207.415.904	113.727.845.485
2. Các khoản giảm trừ	02		-	-
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		103.207.415.904	113.727.845.485
4. Giá vốn hàng bán	11	22	90.197.191.036	106.640.546.918
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		13.010.224.868	7.087.298.567
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	23	17.866.656	363.259.982
7. Chi phí tài chính	22	24	1.943.913.813	4.358.962.468
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		1.943.538.219	4.349.767.216
8. Chi phí bán hàng	24	25	327.246.848	783.096.140
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	26	5.079.619.009	1.508.655.019
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25)}	30		5.677.311.854	799.844.922
11. Thu nhập khác	31	27	1.588.101.449	7.840.327.970
12. Chi phí khác	32	28	950.637.113	4.038.699.550
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		637.464.336	3.801.628.420
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		6.314.776.190	4.601.473.342
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	29	888.694.646	740.149.337
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		5.426.081.544	3.861.324.005
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	30	904	644

Người lập biểu



Đỗ Minh Khuyên

Kế toán trưởng



Đỗ Minh Khuyên

Hà Nội, ngày 22 tháng 03 năm 2022

Tổng Giám đốc



Nguyễn Trần Minh Quân

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

**Phương pháp gián tiếp
Năm 2021**

CHỈ TIÊU	Mã số	Đơn vị tính: VND	
		Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	6.314.776.190	4.601.473.342
2. Điều chỉnh cho các khoản		593.232.174	8.244.368.020
- Khấu hao tài sản cố định	02	255.286.466	12.096.413.504
- (Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	375.594	1.775.252
- (Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(1.605.968.105)	(8.203.587.952)
- Chi phí lãi vay	06	1.943.538.219	4.349.767.216
3. Lợi nhuận/(lỗ) từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	6.908.008.364	12.845.841.362
- (Tăng)/giảm các khoản phải thu	09	75.838.759.731	4.064.412.591
- (Tăng)/giảm hàng tồn kho	10	4.967.351.891	(2.142.255.380)
- Tăng/(giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11	(72.936.593.429)	66.330.248.103
- (Tăng)/giảm chi phí trả trước	12	436.100.432	(399.076.835)
- Tiền lãi vay đã trả	14	(342.981.325)	(4.385.084.988)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(671.614.173)	(1.444.262.216)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	14.199.031.491	74.869.822.637
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(6.000.000.000)	(5.909.651.641)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và TSDH khác	22	10.957.272.728	24.189.090.909
3. Tiền chi cho vay và mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(4.612.000.000)	(76.359.808.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	4.573.000.000	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(11.760.000.000)	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	2.635.561	363.259.982
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(6.839.091.711)	(57.717.108.750)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	46.790.000.000	16.451.230.247
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(55.574.046.025)	(35.810.675.141)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(8.784.046.025)	(19.359.444.894)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	(1.424.106.245)	(2.206.731.007)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	1.541.859.946	3.748.590.953
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(375.594)	
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	117.378.107	1.541.859.946

Hà Nội, ngày 22 tháng 03 năm 2022

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc


Đỗ Minh Khuyên


Đỗ Minh Khuyên


Nguyễn Trần Minh Quân

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo tài chính)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Enteco Việt Nam được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0105558271 do Sở kế hoạch Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 10 tháng 10 năm 2011, thay đổi lần thứ 06 vào ngày 13 tháng 10 năm 2021.

Địa chỉ trụ sở chính của Công ty tại: Số nhà 20, phố Phạm Hồng Thái, phường Nguyễn Trung Trực, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Vốn Điều lệ theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là 60.000.000.000 đồng (Sáu mươi tỷ đồng chẵn.)

Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, lĩnh vực hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác.
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển
Chi tiết: (trừ máy bay, khinh khí cầu);
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng.
- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;

2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

2.2 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

2.3. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.4. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, vàng tiền tệ sử dụng với các chức năng cất trữ giá trị không bao gồm các loại vàng được phân loại là hàng tồn kho sử dụng với mục đích là nguyên vật liệu để sản xuất sản phẩm hoặc hàng hóa để bán.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá 03 tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.5. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác bao gồm: các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Giá trị ghi sổ ban đầu của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm cụ thể như sau:

- Đối với các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh liên kết: Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, căn cứ vào Báo cáo tài chính của công ty con, công ty liên doanh, liên kết tại thời điểm trích lập dự phòng.
- Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư: nếu khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý của khoản đầu tư được xác định tin cậy thì việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu; nếu khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo thì việc lập dự phòng căn cứ vào Báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư.

2.6. Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

2.7. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ:

Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp chi phí nguyên vật liệu chính cho từng loại sản phẩm chưa hoàn thành.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối kỳ căn cứ theo số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.8. Tài sản cố định,

2.8.1. Nguyên tắc ghi nhận tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng.

2.8.2. Phương pháp tính khấu hao tài sản cố định: Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	03 - 25 năm
- Máy móc thiết bị	01 - 08 năm
- Phương tiện vận tải	03 – 06 năm

2.9. Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.10. Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

2.11. Vay và nợ phải trả thuê tài chính

Giá trị khoản nợ phải trả thuê tài chính là tổng số tiền phải trả được tính bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính.

2.12. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Đối với các khoản vốn vay chung, trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất một tài sản dở dang thì số chi phí đi vay có đủ điều kiện vốn hoá trong mỗi kỳ kế toán được xác định theo tỷ lệ vốn

hoá đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hoá được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích có một tài sản dở dang.

2.13. Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.14. Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Việc phân phối lợi nhuận được thực hiện khi Công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội cổ đông/Hội đồng quản trị phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

2.15. Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

2.16. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư; giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp (đối với doanh nghiệp xây lắp) bán trong kỳ, chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư.

2.17. Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Chi phí lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán;

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.18. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

Không bù trừ chi phí thuế TNDN hiện hành với chi phí thuế TNDN hoãn lại.

Công ty áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh có thu nhập chịu thuế TNDN cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến 31/12/2021.

2.19. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, cần chú ý tới bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tiền mặt tại quỹ	90.309.023	688.151.272
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	27.069.084	853.708.674
Các khoản tương đương tiền	-	-
Cộng	117.378.107	1.541.859.946

4. Các khoản đầu tư tài chính

(Chi tiết phụ lục 01)

5. Phải thu khách hàng

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Ngắn hạn	6.113.673.014	88.195.055.256
Công ty TNHH Xây Dựng Hoàng Quân	1.736.800.000	-
Công ty CP XD Nền móng Dân dụng và Công nghiệp Minh Đức	1.236.159.578	1.336.159.578
Công ty CP Thiết bị Xây dựng Tiên phong	630.000.000	-
Các đối tượng khác	2.510.713.436	86.858.895.678
Cộng	6.113.673.014	88.195.055.256
Phải thu của khách hàng là các bên liên quan	441.100.000	-

(Xem chi tiết tại thuyết minh 35)

6. Trả trước cho người bán

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Ngắn hạn	242.595.990	6.754.774.216
Công ty Cổ phần M.A.P Global	-	2.460.574.916
Rent Centric, Inc	158.595.990	-
Công ty Cổ phần Chứng khoán APG	40.000.000	-
Các đối tượng khác	44.000.000	4.294.199.300
Cộng	242.595.990	6.754.774.216

7. Phải thu về cho vay

a. Ngắn hạn	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Công ty TNHH Đầu tư và Thương mại Sen Trắng (*)	39.000.000	-	-	-
Cộng	39.000.000	-	-	-

(*) Khoản cho vay Công ty TNHH Đầu tư và Thương mại Sen Trắng Hợp đồng cho vay 0505/2021/HĐVV/ENTECO-SENTRANG ngày 05/05/2021. Số tiền được vay: 1.000.000.000 đồng, thời hạn cho vay: 03 tháng và tự gia hạn nếu không có thỏa thuận bằng văn bản, lãi suất cho vay: 6,5%/ năm.

8. Phải thu khác

a. Ngắn hạn	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Tạm ứng	15.955.651.867	-	406.000.000	-
Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược	13.116.800.737	-	362.000.000	-
Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược	44.000.000	-	44.000.000	-
Phải thu khác	2.794.851.130	-	-	-
Cộng	15.955.651.867	-	406.000.000	-

Đơn vị tính: VND

Chi tiết khoản tạm ứng

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Võ Thùy Giang (*)	11.525.000.000	-
Đình Thị Thu Vân	1.200.000.000	-
Phạm Thị Hòa	209.000.000	-
Các đối tượng khác	182.800.737	362.000.000
Cộng	13.116.800.737	362.000.000

(*) Đây là khoản tạm ứng tiền nhằm phục vụ việc thuê văn phòng làm việc mới tại số 10 phố Tràng Thi, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội để mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh kế hoạch 5 năm 2022 - 2026.

9. Dự phòng phải thu ngắn hạn

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi	60.599.300	-	60.599.300	-
Công ty TNHH TM xuất nhập khẩu thép Việt Nhật	60.599.300	-	60.599.300	-

10. Hàng tồn kho

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	86.261.290	-	228.742.461	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở	536.028.478	-	-	-
Hàng hoá	1.088.143.949	-	6.449.043.147	-
Cộng	1.710.433.717	-	6.677.785.608	-

Giá trị hàng tồn kho ứ đọng, kém, mất phẩm chất không có khả năng tiêu thụ tại thời điểm cuối kỳ: 0 VND.
Tại 31/12/2021 Ban giám đốc đánh giá hàng tồn kho không suy giảm giá trị nên không trích lập dự phòng.

11. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

(Chi tiết phụ lục số 02)

12. Chi phí trả trước

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a. Ngắn hạn	6.043.335	656.265.985
Chi phí thuê kho	-	130.909.091
Chi phí khác	6.043.335	525.356.894
b. Dài hạn	214.122.218	-
Chi phí khác	214.122.218	-
Cộng	220.165.553	656.265.985

13. Vay và nợ thuê tài chính

(Chi tiết phụ lục số 03)

19. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

(Chi tiết phụ lục số 04)

b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

(Chi tiết phụ lục số 04)

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm nay VND	Năm trước VND
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	60.000.000.000	60.000.000.000
+ Vốn góp tăng trong kỳ		
+ Vốn góp cuối kỳ	60.000.000.000	60.000.000.000
d. Cổ phiếu	Số cuối năm	Số đầu năm
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	6.000.000	6.000.000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	6.000.000	6.000.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>6.000.000</i>	<i>6.000.000</i>
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	6.000.000	6.000.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>6.000.000</i>	<i>6.000.000</i>
* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/CP		

20. Các khoản mục ngoài bảng Cân đối kế toán

	Số cuối năm	Số đầu năm
a. Ngoại tệ các loại		
Đồng Đô la Mỹ (USD)	31,80	38,40

21. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

a. Doanh thu

	Năm nay VND	Năm trước VND
Doanh thu bán hàng hóa	91.366.097.723	87.114.780.975
Doanh thu cung cấp dịch vụ	11.841.318.181	26.613.064.510
Cộng	103.207.415.904	113.727.845.485

22. Giá vốn hàng bán

	Năm nay VND	Năm trước VND
Giá vốn bán hàng	84.087.418.310	85.688.224.471
Giá vốn cung cấp dịch vụ	6.109.772.726	20.952.322.447
Cộng	90.197.191.036	106.640.546.918

23. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền gửi, cho vay	17.866.656	363.259.982
Cộng	17.866.656	363.259.982

24. Chi phí tài chính

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền vay	1.943.538.219	4.349.767.216
Chênh lệch tỷ giá	375.594	9.195.252
Cộng	1.943.913.813	4.358.962.468

25. Chi phí bán hàng	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí bán hàng	327.246.848	783.096.140
Chi phí nguyên, vật liệu, CCDC	131.860.716	479.034.983
Chi phí nhân công		
Chi phí khấu hao TSCĐ	5.286.466	189.932.430
Chi phí dịch vụ mua ngoài	190.099.666	89.639.956
Chi phí khác bằng tiền		24.488.771
Cộng	327.246.848	783.096.140
26. Chi phí quản lý doanh nghiệp	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nguyên, vật liệu, CCDC	337.438.716	4.177.500
Chi phí nhân công	4.193.189.516	776.341.466
Thuế, phí, lệ phí	3.000.000	
Chi phí dịch vụ mua ngoài	449.713.870	723.642.244
Chi phí khác bằng tiền	96.276.907	4.493.809
Cộng	5.079.619.009	1.508.655.019
27. Thu nhập khác	Năm nay VND	Năm trước VND
Thanh lý tài sản cố định	1.588.101.449	7.840.327.970
Cộng	1.588.101.449	7.840.327.970
28. Chi phí khác	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi phạt chậm nộp thuế, BHXH	32.717.113	195.770.747
Khác	917.920.000	3.842.928.803
Cộng	950.637.113	4.038.699.550
29. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	888.694.646	740.149.337
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	888.694.646	740.149.337
Chi tiết thuế TNDN hiện hành	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận trước thuế	6.314.776.190	4.601.473.342
Điều chỉnh thu nhập chịu thuế	33.042.707	195.770.747
Điều chỉnh tăng	33.042.707	195.770.747
- Chi phí không hợp lệ	33.042.707	195.770.747
Lợi nhuận chịu thuế chưa căn trừ lỗ kỳ trước	6.347.818.897	4.797.244.089
Lợi nhuận chịu thuế	6.347.818.897	4.797.244.089
Thuế suất hiện hành	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	1.269.563.780	959.448.818
- Thuế TNDN được miễn giảm 30%	380.869.134	(287.834.645)
- Điều chỉnh tăng theo Quyết định số 21673/QĐ-CCT-KTr3 ngày 09/09/2020 của Chi cục thuế Quận Ba Đình		68.535.164
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	888.694.646	740.149.337

30. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	5.426.081.544	3.861.324.005
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	5.426.081.544	3.861.324.005
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	6.000.000	6.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	904	644

31. Chi phí sản xuất theo yếu tố

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nguyên vật liệu, CCDC	504.024.584	7.684.533.938
Chi phí nhân công	4.193.189.516	1.682.631.319
Chi phí khấu hao TSCĐ	255.286.465	12.096.413.504
Thuế, phí, lệ phí	52.722.948	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.114.119.066	813.282.200
Chi phí khác bằng tiền	108.276.907	28.982.580
Cộng	6.227.619.486	22.305.843.541

32. Công cụ tài chính

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

Tài sản tài chính	Đơn vị tính: VND			
	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Tiền và các khoản tương đương tiền	117.378.107		1.541.859.946	
Phải thu khách hàng, phải thu khác	22.069.324.881	(60.599.300)	88.601.055.256	(60.599.300)
Các khoản cho vay	39.000.000		-	
Đầu tư ngắn hạn	-	-	-	-
Đầu tư dài hạn	85.340.187.965	-	76.359.808.000	-
Cộng	107.565.890.953	(60.599.300)	166.502.723.202	(60.599.300)

Nợ phải trả tài chính

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Vay và nợ	23.110.000.000	31.894.046.025
Phải trả người bán, phải trả khác	2.145.741.947	73.713.007.848
Chi phí phải trả	1.641.011.884	40.454.990
Cộng	26.896.753.831	105.647.508.863

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá, tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về giá

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Tổng
	VND	VND	VND	VND
Số cuối năm				
Tiền và các khoản tương đương tiền	117.378.107			117.378.107
Phải thu khách hàng, phải thu khác	22.069.324.881	-	-	22.069.324.881
Các khoản cho vay	39.000.000	-	-	39.000.000
Đầu tư ngắn hạn	-	-	-	-
Đầu tư dài hạn		85.340.187.965		85.340.187.965
Cộng	22.225.702.988	85.340.187.965	-	107.565.890.953
Số đầu năm				
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.541.859.946			1.541.859.946
Phải thu khách hàng, phải thu khác	88.601.055.256	-	-	88.601.055.256
Các khoản cho vay	-	-	-	-
Đầu tư ngắn hạn	-	-	-	-
Đầu tư dài hạn		76.359.808.000		76.359.808.000
Cộng	90.142.915.202	76.359.808.000	-	166.502.723.202

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Tổng
	VND	VND	VND	VND
Số cuối năm				
Vay và nợ	-	23.110.000.000	-	23.110.000.000
Phải trả người bán, phải trả khác	2.145.741.947	-	-	2.145.741.947
Chi phí phải trả	279.479.492	1.361.532.392	-	1.641.011.884
Cộng	2.425.221.439	24.471.532.392	-	26.896.753.831
Số đầu năm				
Vay và nợ	6.535.504.025	25.358.542.000	-	31.894.046.025
Phải trả người bán, phải trả khác	73.713.007.848	-	-	73.713.007.848
Chi phí phải trả	40.454.990	-	-	40.454.990
Cộng	80.288.966.863	25.358.542.000	-	105.647.508.863

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

33. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Ban Tổng Giám đốc điều hành Công ty khẳng định rằng, không có sự kiện trọng yếu nào khác xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021.

34. Báo cáo bộ phận**Theo lĩnh vực kinh doanh****Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh**

Chỉ tiêu	Doanh thu bán hàng hóa	Doanh thu cung cấp dịch vụ	Đơn vị tính: VND
			Tổng
Doanh thu thuần ra bên ngoài	91.366.097.723	11.841.318.181	103.207.415.904
Chi phí bộ phận	84.087.418.310	6.109.772.726	90.197.191.036
Kết quả kinh doanh bộ phận	7.278.679.413	5.731.545.455	13.010.224.868
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận			5.406.865.857
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh			7.603.359.011
Doanh thu hoạt động tài chính			17.866.656
Chi phí tài chính			1.943.913.813
Thu nhập khác			1.588.101.449
Chi phí khác			950.637.113
Thuế TNDN hiện hành			888.694.646
Lợi nhuận sau thuế			5.426.081.544

35. Nghiệp vụ và số dư các bên liên quan**a. Thông tin các bên liên quan**

Bên liên quan	Mối quan hệ
Bà Đỗ Thị Thanh Hương	Tổng Giám đốc đến ngày 08/06/2021
Công ty cổ phần đầu tư Thương Mại An Dân	Công ty CP Enteco Việt Nam là cổ đông lớn của Công ty cổ phần đầu tư Thương Mại An Dân
Bà Nguyễn Thị Chà	Thành viên BKS
Bà Đỗ Thị Xuân	Trưởng BKS

b. Giao dịch với bên liên quan

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Tạm ứng		
Bà Đỗ Thị Thanh Hương	7.232.400.000	-
Hoàn ứng		
Bà Đỗ Thị Thanh Hương	7.232.400.000	-
Bán hàng, cung cấp dịch vụ		
Công ty cổ phần đầu tư Thương Mại An Dân	557.000.000	-
Thu tiền bán hàng, cung cấp dịch vụ		
Công ty cổ phần đầu tư Thương Mại An Dân	171.600.000	-
Thanh toán tiền mua cổ phần Công ty cổ phần truyền thông và dữ liệu thanh toán An Du		
Nguyễn Thị Chà	10.006.099.200	-
Vay tiền		
Bà Đỗ Thị Xuân	30.000.000	-
Thanh toán tiền vay		
Bà Đỗ Thị Xuân	30.000.000	-
c. Số dư các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Phải thu khách hàng		
Công ty cổ phần đầu tư Thương Mại An Dân	441.100.000	-
Phải trả nhà cung cấp		
Bà Nguyễn Thị Chà	-	10.006.099.200

Thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát

Năm nay

Năm trước

VND

VND

Thù lao HĐQT, Ban kiểm soát

272.794.960

116.240.029

Ngoài các thuyết minh với các bên liên quan đã thuyết minh ở các phần trên, Ban Tổng Giám đốc cam kết không phát sinh giao dịch với các bên liên quan khác.

36. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 của đơn vị đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán TTP.

Người lập biểu



Đỗ Minh Khuyên

Kế toán trưởng



Đỗ Minh Khuyên

Hà Nội, ngày 22 tháng 03 năm 2022

Tổng Giám đốc



Nguyễn Trần Minh Quân

CÔNG TY CỔ PHẦN ENTECO VIỆT NAM

Số 20 Phạm Hồng Thái, P. Nguyễn Trung Trực, Q. Ba Đình, Tp. Hà Nội

Thuyết minh báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

Phụ lục số 01

2. Các khoản đầu tư tài chính

	Số cuối năm				Số đầu năm				Đơn vị tính: VND
	Tỷ lệ sở hữu	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Tỷ lệ sở hữu	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	
Đầu tư góp vốn vào công ty liên doanh, liên kết		11.760.000.000	-	-		-	-	-	
Công ty TNHH Đầu tư Thương mại An Dân Hưng Yên	49%	11.760.000.000	(*)	-	-	-	-	-	
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		73.580.187.965	-	-		76.359.808.000	-	-	
Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Khoáng sản	4,99%	47.113.920.000	(*)	-	4,99%	47.113.920.000	(*)	-	
Công ty cổ phần đầu tư Thương Mại An Dân	19,00%	15.713.152.000	(*)	-	19,00%	15.713.152.000	(*)	-	
Công ty cổ phần đầu tư thương mại và dịch vụ TMC	15,00%	3.000.000.000	(*)	-	15,00%	3.000.000.000	(*)	-	
Công ty cổ phần truyền thông và dữ liệu thanh toán An Du	4,10%	7.753.115.965	(*)	-	4,10%	10.532.736.000	(*)	-	

(*) Tại ngày báo cáo, Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này để thuyết minh trong báo cáo tài chính giữa niên độ bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các công cụ tài chính này và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ của chúng.

CÔNG TY CỔ PHẦN ENTECO VIỆT NAM

Số 20 Phạm Hồng Thái, P. Nguyễn Trung Trực, Q. Ba Đình, Tp. Hà Nội

Thuyết minh báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

Phụ lục số 02

11. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa vật kiến trúc		Máy móc thiết bị		Phương tiện vận tải truyền dẫn		Tài sản cố định khác		Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	
Nguyên giá									
Số đầu năm	227.751.865	9.291.344.647							9.519.096.512
- Mua trong kỳ		6.000.000.000							6.000.000.000
- Thanh lý, nhượng bán		(15.291.344.647)							(15.291.344.647)
Số cuối kỳ	227.751.865	-	-	-	-	-	-	-	227.751.865
Giá trị hao mòn lũy kế									
Số đầu năm	222.465.394	5.672.173.373							5.894.638.767
- Khấu hao trong kỳ	5.286.471	249.999.995							255.286.466
- Thanh lý nhượng bán		(5.922.173.368)							(5.922.173.368)
Số cuối kỳ	227.751.865	-	-	-	-	-	-	-	227.751.865
Giá trị còn lại									
Tại ngày đầu năm	5.286.471	3.619.171.274							3.624.457.745
Tại ngày cuối kỳ	-	-	-	-	-	-	-	-	-

- Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình đang thế chấp: 0 VND

- Nguyên giá TSCĐ hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng còn sử dụng: 227.751.865 VND

CÔNG TY CỔ PHẦN ENTECO VIỆT NAM

Số 20 Phạm Hồng Thái, P. Nguyễn Trung Trực, Q. Ba Đình, Tp. Hà Nội

Thuyết minh báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

Phụ lục số 03

13. Vay và nợ thuê tài chính

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm		Trong năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a. Ngắn hạn						
Vay ngắn hạn	-	-	30.000.000	6.565.504.025	6.535.504.025	6.535.504.025
Ngân hàng TMCP Đầu tư & Phát triển VN - CN Sở giao dịch I	-	-	30.000.000	5.865.504.025	5.835.504.025	5.835.504.025
Vay cá nhân	-	-	30.000.000	30.000.000	-	-
Nợ dài hạn đến hạn trả						
Ngân hàng TMCP Đầu tư & Phát triển VN - CN Sở giao dịch I	-	-	-	700.000.000	700.000.000	700.000.000
b. Dài hạn						
Ngân hàng TMCP Đầu tư & Phát triển VN - CN Sở giao dịch I	23.110.000.000	23.110.000.000	46.760.000.000	49.008.542.000	25.358.542.000	25.358.542.000
Công ty TNHH Đầu tư và Thương mại Sen Tráng	-	-	23.650.000.000	23.650.000.000	25.358.542.000	25.358.542.000
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Khoáng sản (1)	23.110.000.000	23.110.000.000	23.110.000.000	-	-	-
Tổng cộng	23.110.000.000	23.110.000.000	46.790.000.000	55.574.046.025	31.894.046.025	31.894.046.025

CÔNG TY CỔ PHẦN ENTECO VIỆT NAM

Số 20 Phạm Hồng Thái, P. Nguyễn Trung Trực, Q. Ba Đình, Tp. Hà Nội

Thuyết minh báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

Chi tiết vay và nợ thuê tài chính

(1) Vay Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Khoáng Sản theo các hợp đồng vay sau:

a. Hợp đồng vay số 2509/2021/HĐVV/MINEX-ENTEKO ngày 25 tháng 09 năm 2021

Số tiền vay: 11.760.000.000 đồng

Thời hạn vay: 26 tháng

Mục đích vay: Phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh

Lãi suất cho vay: 11.82%/ năm

Số dư vay tại 31/12/2021 là: 11.760.000.000 đồng

b. Hợp đồng vay số 1003/2021/HĐVV/MINEX-ENTEKO ngày 10 tháng 03 năm 2021

Số tiền vay: 11.200.000.000 đồng

Thời hạn vay: 33 tháng

Mục đích vay: Phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh

Lãi suất cho vay: 11.82%/ năm

Số dư vay tại 31/12/2021 là: 11.200.000.000 đồng

c. Hợp đồng vay số 1009/2021/HĐVV/MINEX-ENTEKO ngày 10 tháng 09 năm 2021

Số tiền vay: 150.000.000 đồng

Thời hạn vay: 24 tháng

Mục đích vay: Phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh

Lãi suất cho vay: 6,5%/ năm

Số dư vay tại 31/12/2021 là: 150.000.000 đồng

CÔNG TY CỔ PHẦN ENTECO VIỆT NAM

Số 20 Phạm Hồng Thái, P. Nguyễn Trung Trực, Q. Ba Đình, Tp. Hà Nội

Thuyết minh báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

Phụ lục số 04

19. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Đơn vị tính: VND			
	Vốn góp của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối
Số dư đầu năm trước	60.000.000.000	-	-	9.164.658.321
- Lãi trong năm trước				3.861.324.005
- Lỗ trong năm trước				-
Số dư đầu năm nay	60.000.000.000	-	-	13.025.982.326
- Tăng vốn trong năm nay				5.426.081.544
- Lãi trong năm				18.452.063.870
Số dư cuối năm	60.000.000.000	-	-	73.025.982.326
				5.426.081.544
				78.452.063.870

b. Chi tiết vốn góp của Chủ sở hữu

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	VND	Tỷ lệ	VND	Tỷ lệ
Công ty TNHH Đầu tư G-Holding	11.400.000.000	19,00%	-	0,00%
Công ty CP tập đoàn Gami	10.800.000.000	18,00%	-	0,00%
Quỹ đầu tư khám phá giá trị Ngân hàng Công thương Việt Nam	10.800.000.000	18,00%	-	0,00%
Công ty cổ phần Chứng khoán Everest	9.000.000.000	15,00%	9.000.000.000	15,00%
Cổ đông khác	18.000.000.000	30,00%	51.000.000.000	85,00%
Cộng	60.000.000.000	100%	60.000.000.000	100%

XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY



CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Nguyễn Thị Thanh Thủy